



**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2017**

 KB Securities

THÔNG điệp HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Kính gửi các quý cổ đông, khách hàng, và đồng nghiệp!

Năm 2017 khép lại với thắng lợi của nền kinh tế Việt Nam trên phương diện tăng trưởng. Tốc độ tăng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) đạt 6.81%, cao hơn mục tiêu 6.7%. Việt Nam tiếp tục trở thành điểm đầu tư hấp dẫn thu hút dòng vốn đầu tư nước ngoài. Tính đến cuối 2017, Việt Nam đã thu hút trên 300 tỷ đô la vốn FDI, trong đó riêng năm 2017 giải ngân 17.5 tỷ đô vốn FDI và nhiều tỷ đô la vốn đầu tư gián tiếp (FII) qua thị trường chứng khoán.

Kết thúc phiên giao dịch cuối năm, chỉ số Vn-Index tăng 43% so với cùng kỳ 2016, mức vốn hóa thị trường đạt gần 3,360 nghìn tỷ đồng, tăng 73% tại thời điểm cuối 2016, tương đương 74.6% GDP, vượt chỉ tiêu đặt ra cho năm 2020. Thanh khoản cải thiện mạnh, quy mô giao dịch bình quân đạt gần 4,981 tỷ đồng/phiên, tăng 63% so với bình quân 2016.

Năm 2017, Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam, tiền thân là Công ty CP Chứng khoán Maritime (MSI) đã bước sang một trang mới trong lịch sử hoạt động. Ngày 9 tháng 10 năm 2017, Công ty TNHH Chứng khoán KB Hàn Quốc- đơn vị thành viên trực thuộc 100% vốn của

Tập đoàn tài chính KB (KBFG), tổ chức tài chính hàng đầu của Hàn Quốc với cơ sở khách hàng lớn nhất và mạng lưới chi nhánh rộng lớn nhất tại Hàn Quốc đã hoàn thành thương vụ M&A, qua đó nắm giữ 29,820,900 tương đương 99.4% cổ phần của MSI. Với sự chấp thuận của cơ quan chức năng và các cổ đông, Công ty CP Chứng khoán Maritime (MSI) chính thức đổi tên thành Công ty CP Chứng khoán KB Việt Nam (viết tắt là KBSV) từ ngày 17 tháng 1 năm 2018.

Với việc chuyển đổi tên và cơ cấu sở hữu, KBSV đã trở thành một doanh nghiệp Hàn Quốc hoạt động tại Việt Nam. Theo đó, KBSV được tiếp cận với nhiều nguồn lực từ vốn, nhân sự, công nghệ, đến danh mục các nhà đầu tư Hàn Quốc có nhu cầu đầu tư vào Việt Nam, do đó, có nhiều điều kiện thuận lợi để thành công tại thị trường Việt Nam, làm cầu nối dòng vốn Hàn Quốc tới thị trường Việt Nam.

Trải qua một năm 2017 đầy những kỷ lục, chào đón kinh tế Việt Nam trong năm mới là hàng loạt những cơ hội và cả thách thức. Trong năm 2018, Chính phủ đặt mục tiêu tăng trưởng GDP đạt 6.7%, tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân khoảng 4%. Nợ đọng thuế phần đầu giảm xuống dưới 5%, tăng thu ngân sách 4%, kiểm soát bội chi ngân sách ở mức 3.7%, cổ phần hóa 64 doanh nghiệp nhà nước và thoái vốn Nhà nước.

Với tất cả các đặc điểm trên, cộng thêm việc lợi nhuận các doanh nghiệp niêm yết tiếp tục tăng trưởng tốt và câu chuyện nâng hạng từ thị trường cận biên lên thị trường mới nổi theo chuẩn MSCI là yếu tố hỗ trợ cho thị trường theo xu hướng tích cực trong dài hạn.

Ngay trong năm 2018, cùng với việc đổi tên và hệ thống nhận diện thương hiệu, KBSV sẽ có những thay đổi về chất, trong đó có việc tăng vốn điều lệ, tăng cường chất lượng nhân sự, hệ thống hạ tầng và công nghệ thông tin, phát triển các sản phẩm mới trong đó có các sản phẩm phái sinh. Với sự hỗ trợ 100% từ Tập đoàn tài chính KB Hàn Quốc, với kinh nghiệm và tiềm lực của mình, chúng tôi sẽ chú trọng phát triển đồng thời cả mảng bán buôn và bán lẻ, dịch vụ chứng khoán cũng như dịch vụ tư vấn đầu tư và mảng đầu tư tự doanh tại thị trường Việt Nam.

Thay mặt Hội đồng Quản trị, tôi xin bày tỏ lời cảm ơn chân thành tới tất cả Quý Khách hàng và Đối tác của công ty, những người đã, đang và sẽ luôn sát cánh, chia sẻ những khó khăn và thành công với chúng tôi trong suốt những năm qua và trong tương lai, cảm ơn các bạn đồng nghiệp vì những đóng góp tích cực và sáng tạo của các bạn vì sự phát triển của KBSV. Tôi tin rằng KBSV sẽ là nơi để tất cả Quý vị tiếp tục đặt niềm tin và tạo dựng thành công.

Trân trọng!

Chờ Nam Hoon



Chủ tịch Hội đồng Quản trị

GIỚI THIỆU CÔNG TY

THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam ("KBSV"), một thành viên của KB Securities và Tập đoàn Tài chính KB (Hàn Quốc), là một công ty chứng khoán chuyên nghiệp tại Việt Nam, có năng lực chuyên môn và kinh nghiệm đa dạng trong lĩnh vực chứng khoán. Chúng tôi cung cấp Dịch vụ Chứng khoán và Dịch vụ Ngân hàng đầu tư chuyên nghiệp cho các Khách hàng gồm các doanh nghiệp, nhà đầu tư tổ chức và các nhà đầu tư cá nhân.

Được thành lập vào năm 2008, KBSV có Trụ sở chính tại Hà Nội, một chi nhánh tại Hà Nội và TP Hồ Chí Minh. Với đội ngũ trên 160 nhân sự được đào tạo bài bản, trong đó có hơn 100 chuyên viên môi giới và 12 chuyên viên tư vấn IB, thương hiệu Chứng khoán KBSV ngày càng được khẳng định.

KBSV vinh dự nhận giải thưởng "Công ty chứng khoán có tăng trưởng số lượng tài khoản tốt nhất 2014 và 2015" từ Sở Giao Dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HSX) và được Diễn đàn M&A Việt Nam vinh danh "Nhà tư vấn M&A tiêu biểu năm 2014-2016". KBSV tự hào nằm trong Top 10 công ty chứng khoán có thị phần môi giới lớn nhất tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) và Upcom, Top 10 thị phần môi giới Trái phiếu tại Sở giao dịch Chứng khoán Tp.HCM (HSX) trong năm 2016.

KBSV chính thức trở thành thành viên của KB Securities và Tập đoàn Tài chính KB (Hàn Quốc) từ ngày 09/10/2017, chính thức đổi tên từ CTCP Chứng khoán Maritime sang CTCP Chứng khoán KB Việt Nam từ 17/01/2018.

Tâm nhìn

Chúng tôi nỗ lực trở thành một trong các công ty chứng khoán có chất lượng tốt nhất tại Việt Nam, trên cơ sở cam kết theo các giá trị và triết lý cốt lõi của chúng tôi.

Sứ mệnh

Sứ mệnh của chúng tôi là tạo ra một môi trường đầu tư thuận tiện, chuyên nghiệp cho nhà đầu tư cá nhân và tổ chức cũng như mang tới các giải pháp tài chính tối ưu cho khách hàng doanh nghiệp.

Giá trị cốt lõi

1. **Hướng tới khách hàng (Client first):** luôn luôn lắng nghe và ưu tiên mọi nhu cầu của khách hàng.
2. **Sáng tạo (Creativity):** khuyến khích sự sáng tạo và luôn hướng đến những ý tưởng mới nhằm không ngừng mang tới cho các khách hàng những sản phẩm thông minh, có giá trị.

3. **Tận tâm (Diligence):** theo đuổi để hoàn thành công việc được giao, để tâm tới những chi tiết nhỏ nhất.
4. **Chuyên nghiệp (Professionalism):** thiết lập các chuẩn mực chuyên nghiệp theo các thông lệ tiên tiến và tuân thủ các chuẩn mực trong mọi hành động.
5. **Chính trực (Integrity):** trung thực và chân thành trong những việc chúng ta làm.
6. **Tinh thần đồng đội (Teamwork):** tôn trọng mỗi cá nhân và sự đóng góp của từng cá nhân đối với thành công chung.

Trụ sở chính

Địa chỉ: Tầng 1&3, Sky City Tower Láng Hạ, 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội.

Tel: (84) 24 3776 5929 - Fax: (84) 24 3776 5928

Website: <https://www.kbsec.com.vn/>

Chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ: Tầng 9, TNR Tower Hoàn Kiếm, 115 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: (84) 24 3776 5929 - Fax: (84) 24 3822 3131

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Công Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh

Tel: (84) 28 3521 4299 - Fax: (84) 28 3914 1969

Thông tin pháp lý

Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam ("KBSV") được thành lập theo Quyết định số 35/GPĐC-UBCK ngày 07/08/2015 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc chấp thuận đổi tên và bổ sung nghiệp vụ cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Standard (được thành lập và hoạt động theo giấy phép số 77/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 11/6/2008).

KBSV được thực hiện đầy đủ các nghiệp vụ theo quy định:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính;
- Lưu ký chứng khoán; và
- Nhận ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư cá nhân.

Các mốc thời gian

2008 Tiền thân là Công ty CP Chứng khoán Standard ("SSJ"), SSJ thành lập giữa 2008 với Giấy phép hoạt động kinh doanh số 77/UBCK – GPĐKD của Ủy ban chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 11/06/2008.

Với số vốn ban đầu là 35 tỷ đồng, SSJ là công ty chứng khoán duy nhất đặt trụ sở tại TP. Vũng Tàu, hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực môi giới chứng khoán.

2010 SSJ chính thức tăng vốn điều lệ lên 300 tỷ đồng.

UBCKNN chấp thuận bổ sung thêm nghiệp vụ Tự Doanh, Tư Vấn Tài Chính và Bảo Lãnh Phát Hành cho SSJ.

2011 SSJ chính thức ký hợp tác chiến lược toàn diện với Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam ("MSB").

Tháng 03/2011, SSJ đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Maritime Bank ("MSBS") và chuyển trụ sở chính từ Thành phố Vũng Tàu ra Hà Nội.

2012 Trở thành đối tác của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà Nước ("SCIC") và Công ty Mua Bán Nợ ("DATC") trong việc tư vấn thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp.

Tháng 05/2012, bổ nhiệm Chủ tịch HĐQT mới: Ông Lê Đình Ngọc, một chuyên gia tài chính với trên 16 năm kinh nghiệm trong ngành chứng khoán và tài chính ngân hàng.

Tháng 12/2012, tách bạch và khai trương Sở Giao dịch MSI kang trang, hiện đại, thuận tiện cho nhà đầu tư tại Tầng 1, Sky City, 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội.

2013 Tháng 01/2013, bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới: Ông Mạc Quang Huy, một chuyên gia tài chính với trên 18 năm kinh nghiệm quốc tế và Việt Nam.

Tháng 03/2013, triển khai chương trình bán chéo với Ngân hàng MSB, thông qua các khách hàng của MSB có thể đến các Trung Tâm Khách hàng Cá nhân của MSB để được tư vấn và mở tài khoản giao dịch chứng khoán với MSI.

Tháng 04/2013, triển khai thành công phần mềm Core mới do một nhà cung cấp uy tín được kiểm nghiệm tại thị trường Việt Nam, ra mắt hệ thống giao dịch hiện đại kèm theo các tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ chứng khoán hàng đầu.

Tháng 05/2013, kết nối thành công Core của MSI với Ngân hàng MSB, theo đó việc chuyển tiền hai chiều giữa tài khoản chứng khoán MSI và tài khoản ngân hàng

MSB được thực hiện theo thời gian thực (real time).

Tháng 06/2013, triển khai thành công bảng giá trực tuyến MS-Quote dựa trên nền công nghệ đẩy dữ liệu hiện đại nhất.

Tháng 07/2013, khai trương Chi nhánh TP Hồ Chí Minh tại địa chỉ Tầng 2, Tòa nhà TNR Tower, 182-190 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP Hồ Chí Minh.

Tháng 10/2013, hoàn thiện Giai đoạn II của hệ thống phần mềm Core Trading, theo đó cung cấp thêm nhiều tiện ích trực tuyến hoàn chỉnh cho các khách hàng như giao dịch trực tuyến qua di động (MS-Mobile), mở tài khoản trực tuyến (MS-Open), giao dịch trực tuyến tại nhà với phần mềm siêu tốc (MS-ProTrading).

2014

Tháng 01/2014, hoàn thành việc tách bạch hoàn toàn tài khoản nhà đầu tư thông qua việc kết nối với Ngân hàng BIDV, đáp ứng yêu cầu của UBCK cũng như tạo niềm tin đối với khách hàng có nhu cầu.

Tháng 04/2014, khai trương Trung tâm Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư (IBD) tại TP HCM nhằm cung cấp các sản phẩm tư vấn tài chính có chất lượng cao cho các khách hàng doanh nghiệp và tạo cung hàng trên thị trường sơ cấp.

Tháng 05/2014, khai trương Chi nhánh Hà Nội địa chỉ Tầng 9, Tòa nhà TNR Tower, 115 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội nhằm tạo điều kiện cho các khách hàng tại các quận trung tâm Thủ đô.

Tháng 08/2014, khai trương Trung tâm Khách hàng Tổ chức (ICC) tại Chi nhánh TP HCM nhằm phục vụ các khách hàng định chế tài chính, các quỹ đầu tư và các cá nhân nước ngoài.

Tháng 10/2014, hoàn thành việc kết nối chuyển tiền 2 chiều theo thời gian thực "real time" và 24/7 với 2 ngân hàng lớn BIDV và Vietcombank nhằm tạo điều kiện thuận lợi giao dịch tiền cho các khách hàng.

Tháng 11/2014, hoàn thành việc tách bạch số dư tài khoản tiền giữa MSI và MSB, theo đó khách hàng quản lý tài khoản tiền tại Ngân hàng MSB nhưng vẫn dùng được các sản phẩm đòn bẩy tài chính. Đây là một sản phẩm sáng tạo, độc đáo trên thị trường đáp ứng đồng thời nhu cầu tách bạch tài khoản và nhu cầu sử dụng đòn bẩy tài chính.

Năm 2014, đánh dấu sự phát triển vượt bậc về quy mô kinh doanh mảng Dịch vụ chứng khoán. Cụ thể số lượng tài khoản chạm ngưỡng 30,000 tài khoản. Thị phần chạm đạt 2.5%, đứng vị trí 15 tính theo giá trị trên cả hai Sở Giao dịch chứng khoán HSX và HNX. Năm 2014, MSI được HSX vinh danh là Công ty chứng khoán có số lượng tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư tăng trưởng tốt nhất 2014.

Năm 2014, đánh dấu sự phát triển vượt bậc về thành tích Tư vấn Dịch vụ IB. Cụ thể,

MSI huy động thông qua tư vấn, dựng sổ, bảo lãnh phát hành cho trên 12 ngàn tỷ đồng vốn trái phiếu cho các doanh nghiệp.

2015 Chính thức đổi tên thành Công ty cổ phần chứng khoán Maritime “MSI” theo quyết định điều chỉnh Số 35/GPDC-UBCK vào ngày 7 tháng 8 năm 2015.

Lần đầu tiên lọt vào Top 10 thị phần môi giới chứng khoán tại HNX từ Quý 3/2015, Top 10 thị phần môi giới chứng khoán tại sàn Upcom và Top 10 thị phần môi giới trái phiếu tại HSX.

Diễn đàn M&A 2015 vinh danh MSI với giải thưởng “Nhà tư vấn M&A tiêu biểu 2014 – 2015” vào tháng 8/2015.

MSI tiếp tục được HSX vinh danh là Công ty chứng khoán có số lượng tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư tăng trưởng tốt nhất 2015. Số lượng khách hàng đạt trên 51,000 tài khoản.

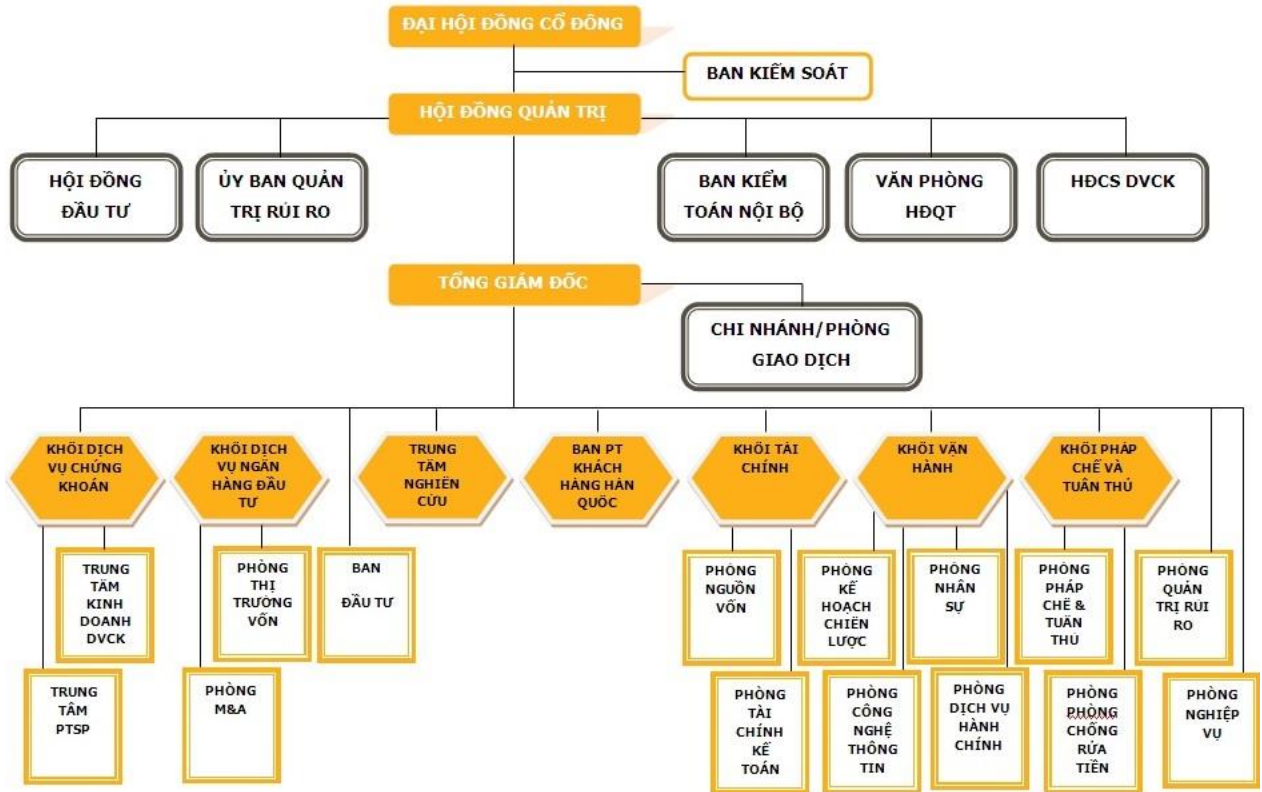
2016 Trở thành công ty đại chúng vào tháng 5/2016. Duy trì vị trí Top 10 môi giới trên Sở GDCK Hà Nội cho cả năm 2016. Diễn đàn M&A 2016 tiếp tục vinh danh MSI với giải thưởng “Nhà tư vấn M&A tiêu biểu 2015-2016” vào tháng 8/2016.

2017 9/10/2017: MSI chính thức trở thành thành viên của KB Securities và Tập đoàn Tài chính KB (Hàn Quốc).

2018 17/01/2018: MSI chính thức đổi tên thành CTCP Chứng khoán KB Việt Nam (KBSV).

THÔNG TIN QUẢN TRỊ CÔNG TY

Mô hình tổ chức



Định hướng phát triển

Với mục tiêu giữ vững vị thế là định chế tài chính hàng đầu ở thị trường Việt Nam và nỗ lực vươn ra thị trường quốc tế, KBSV sẽ tiếp tục không ngừng đổi mới trong cách vận hành cũng như đa dạng hóa sản phẩm. Khách hàng sẽ luôn là trọng tâm của Công ty với cam kết gắn bó lâu dài và hợp tác cùng phát triển. Nhiều giải pháp công nghệ sẽ được đưa để gia tăng tiện ích cho khách hàng cũng như nhà đầu tư.

KBSV cũng sẽ tiếp tục tập trung vào việc phát triển đội ngũ nhân sự có chất lượng để đáp ứng các yêu cầu ngày một khắt khe của thị trường; tạo ra một môi trường làm việc mà ở đó mỗi cá nhân được khám phá và phát huy mọi năng lực của mình để đóng góp một cách tốt nhất cho Công ty. KBSV sẽ tiếp tục kiểm soát chi phí chặt chẽ cũng như quản trị rủi ro để nâng cao hiệu quả tài chính. KBSV tin rằng việc kết hợp giữa xây dựng một thương hiệu uy tín và vận hành theo quy chuẩn sẽ giúp tối đa hóa lợi ích cổ đông. Với sự hỗ trợ tuyệt đối từ công ty mẹ là tập đoàn tài chính hàng đầu KB Financial, KBSV tin tưởng trở thành một trong những tên tuổi hàng đầu trên thị trường chứng khoán Việt Nam và vươn xa trên thị trường quốc tế.

Các rủi ro

Rủi ro là một phần không thể thiếu của cuộc sống và của thị trường chứng khoán. Rủi ro là khả năng xảy ra những vấn đề có thể gây thiệt hại hoặc mang đến những kết quả không mong

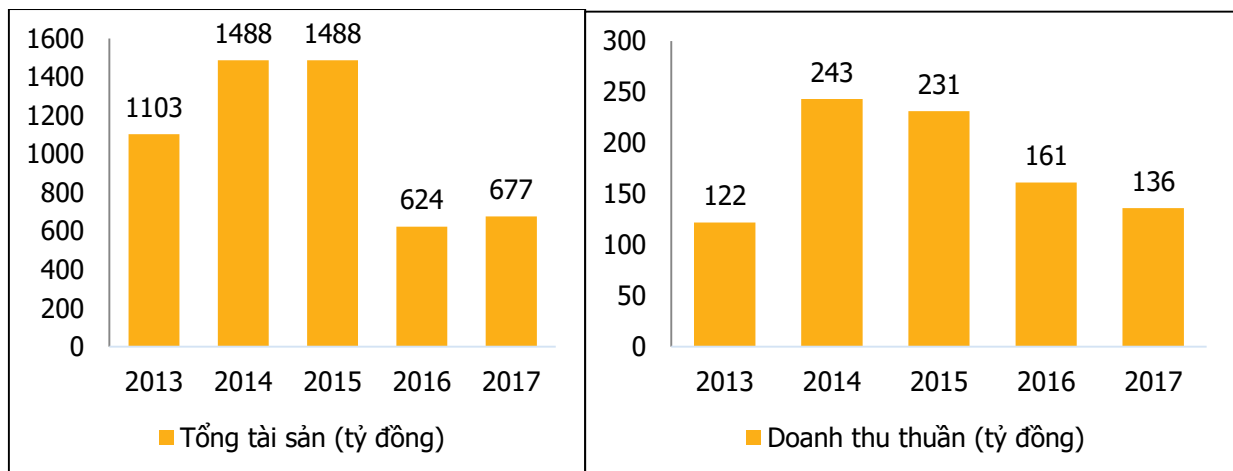
muốn. Tại KBSV, chúng tôi nhận thức rõ ràng về các loại rủi ro để phòng ngừa, ngăn chặn và giảm thiểu tối đa ảnh hưởng của các rủi ro đến hoạt động của Công ty.

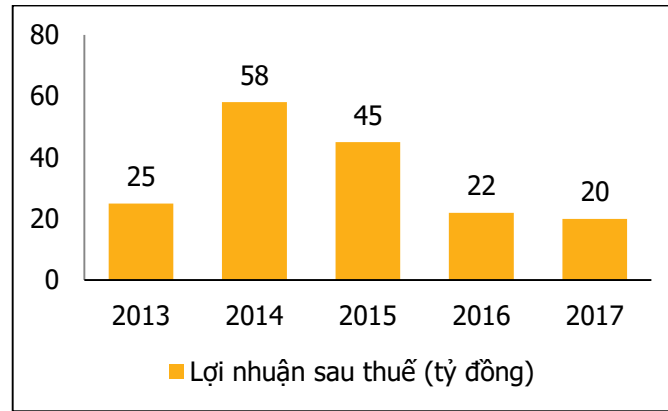
Rủi ro kinh tế: sự biến động của kinh tế vĩ mô như tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất... luôn ảnh hưởng trực tiếp và mạnh mẽ tới thị trường chứng khoán, từ đó ảnh hưởng đến hoạt động của công ty chứng khoán nói chung và KBSV nói riêng. KBSV luôn theo dõi, bám sát các diễn biến kinh tế, thị trường để đưa ra các quyết sách phù hợp nhất.

Rủi ro về pháp lý: hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán, KBSV chịu sự chi phối trực tiếp bởi hệ thống pháp luật liên quan như Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật đầu tư, Luật thuế thu nhập cá nhân... KBSV đã xây dựng hệ thống quy trình cũng như các bộ phận kiểm tra giám sát để giảm thiểu các rủi ro về mặt pháp luật có thể xảy ra đối với công ty.

Rủi ro cạnh tranh: sau thời gian tái cấu trúc mạnh mẽ hoạt động các công ty chứng khoán của UBCKNN, thị trường vẫn còn khoảng 80 công ty chứng khoán. Với số lượng công ty chứng khoán đông đảo như vậy, mức độ cạnh tranh giữa các công ty là tương đối gay gắt. KBSV đã và đang nỗ lực tối đa để tạo ra các sản phẩm cạnh tranh nhất trên thị trường.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH





Khả năng sinh lời, khả năng thanh toán

Cơ cấu tài sản	Đơn vị	2015	2016	2017
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	1	4	3
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	99	96	97
Cơ cấu nguồn vốn	Đơn vị	2015	2016	2017
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	69	22	28
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	31	78	72
Khả năng thanh toán	Đơn vị	2015	2016	2017
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1.4	2	
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1.5	4.3	3.5
Tỷ suất lợi nhuận	Đơn vị	2015	2016	2017
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	3	3.5	3
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu (ROE)	%	9.7	4.6	4
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	19.4	13.7	14.8

Giá trị sổ sách

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, giá trị sổ sách của Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam là: 16,767 VND/1 cổ phiếu.

Số lượng cổ phiếu (CP), trái phiếu (TP)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	2015	2016	2017
1	Cổ phiếu thường (10,000 VNĐ/CP)	CP	30,000,000	30,000,000	30,000,000
2	Trái phiếu phát hành (1,000,000,000 VNĐ/TP)	TP	470	0	0

KẾT QUẢ KINH DOANH & TRIỂN VỌNG PHÁT TRIỂN**TỔNG KẾT KINH TẾ THỊ TRƯỜNG NĂM 2017 & DỰ BÁO NĂM 2018****Kinh tế thị trường năm 2017**

Năm 2017 khép lại với thắng lợi của nền kinh tế Việt Nam trên phương diện tăng trưởng. Tốc độ tăng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) đạt 6.81%, cao hơn mục tiêu 6.7% và là mức tăng trưởng cao nhất trong vòng một thập kỷ trở lại đây. Năm 2017 phản ánh sự điều hành kinh tế linh hoạt của Chính phủ, kiểm soát lạm phát cơ bản ở mức 1.41%, thấp hơn chỉ tiêu 1.6-1.8% đặt ra đầu năm và hỗ trợ cho tăng trưởng kinh tế. Dự trữ ngoại hối đạt mức cao, cuối năm 2017 đã đạt được mục tiêu dự trữ ngoại hối của cuối năm 2020, cán mốc trước 3 năm so với kế hoạch.

Tình hình kinh tế, tài chính thế giới có sự phát triển tốt, tạo cơ sở cho thị trường chứng khoán Việt Nam có 1 năm tăng trưởng ấn tượng, cao nhất tại khu vực Châu Á. Chỉ số Vn-Index tăng 43% so với cuối năm 2016 – mức cao nhất gần 10 năm trở lại đây. Huy động qua cổ phần hóa thoái vốn đạt gần 14.8 nghìn tỷ đồng với tỷ lệ thành công đạt 91%. Mức vốn hóa thị trường đạt gần 3,360 nghìn tỷ đồng, tăng 73% so với cuối năm 2016, tương đương 74.6% GDP, vượt chỉ tiêu đặt ra cho năm 2020. Thanh khoản cải thiện mạnh, quy mô giao dịch bình quân đạt gần 4,981 tỷ đồng/phiên, tăng 63% so với bình quân năm 2016. Thị trường trái phiếu cũng diễn ra sôi nổi với giá trị niêm yết đạt 1,015 nghìn tỷ đồng, tăng 8% so với cuối năm 2016 (tương đương 23% GDP), tổng giá trị giao dịch bình quân đạt hơn 8,890 tỷ đồng/phiên, tăng 38% so với bình quân năm 2016.

Từ tháng 8/2017, thị trường chứng khoán phái sinh chính thức đi vào hoạt động tại Việt Nam. Dù còn rất mới, nhưng thị trường này đã chứng tỏ sức hấp dẫn với nhà đầu tư, tổng khối lượng giao dịch đạt 946,326 hợp đồng tương ứng với tổng giá trị giao dịch theo quy mô danh nghĩa hợp đồng đạt 80,899 tỷ đồng và có 15,808 tài khoản giao dịch chứng khoán phái sinh được mở, gấp đôi so với cuối tháng 8/2017 (tháng đầu tiên mở cửa thị trường).

Triển vọng kinh tế Việt Nam và TTCK Việt Nam năm 2018

Kinh tế thế giới năm 2018 được dự báo tiếp tục phục hồi nhờ sự hồi phục của các nền kinh tế lớn như Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc và Ấn Độ.

Nền kinh tế Việt Nam cũng đang trong xu hướng tăng trưởng cao và phát triển bền vững, năm 2018 được dự báo một số các lạc quan với:

- Tăng trưởng GDP 6.8%;
- Kiểm soát lạm phát dưới 5%;
- Lãi suất cho vay ổn định ở mức thấp nhằm hỗ trợ nền kinh tế 8.5%;
- Tăng trưởng tín dụng đạt 20%;
- Dự báo giải ngân FDI năm 2018: 18.5 tỷ USD, tăng 5.7% so với 2017;
- Kim ngạch xuất khẩu tăng trưởng 10.8% với trạng thái thặng dư.

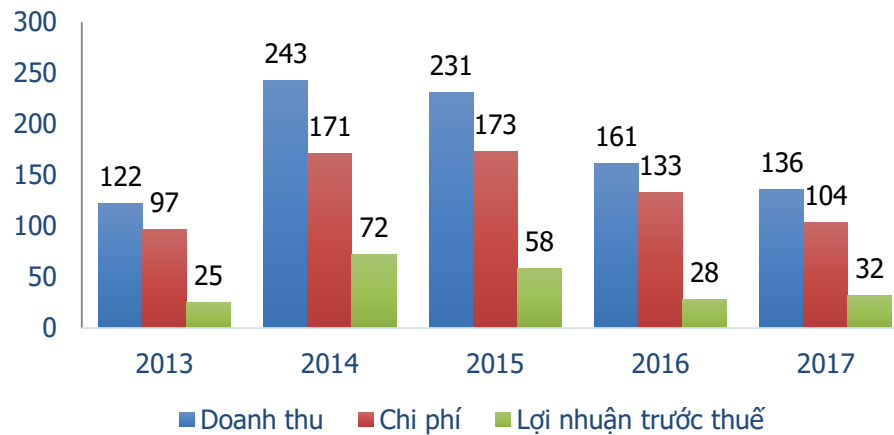
Năm 2018 được đánh giá là một năm đầy lạc quan cho thị trường chứng khoán Việt Nam, cùng với các đợt IPO lớn sẽ diễn ra trong năm 2018, lộ trình thoái vốn tại các DNNN cũng được kỳ vọng sẽ diễn ra nhanh hơn và mạnh hơn, qua đó kích thích mạnh mẽ dòng vốn ngoại tham gia vào TTCK Việt Nam cũng như giúp cải thiện mạnh mẽ hiệu quả kinh doanh tại các công ty hậu thoái vốn.

Quy mô thị trường cổ phiếu niêm yết năm 2018 dự đoán tăng lên 150-160 tỷ USD, đưa mức vốn hóa thị trường lên 73-75% GDP. Thanh khoản bình quân dự báo đạt 272 triệu USD/phiên, tăng 25% so với giá trị năm 2017. Năm 2018 cũng là giai đoạn chuẩn bị quan trọng cho mục tiêu nâng hạng thị trường. Các nhà đầu tư nước ngoài dường như đã "đi trước một bước" trong đón đầu khả năng thăng hạng dành cho TTCK Việt Nam trong năm 2017 và điều này khả năng cao sẽ tiếp diễn trong năm 2018.

Xu hướng tăng trung hạn vẫn phát triển trong 12 tháng tới và mức độ tăng điểm của VN-Index có thể xấp xỉ những gì đã làm được trong năm 2017. Năm 2018 VN-Index được kỳ vọng đạt mốc cao nhất ở mức 1,250 điểm và dừng quanh mức 1,200 điểm vào thời điểm cuối năm.

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN

Năm 2017, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của thị trường, kết quả kinh doanh của KBSV cũng tăng trưởng tương đối khả quan, doanh thu đạt 133 tỷ đồng, giảm hơn 16% so với cùng kỳ; tuy nhiên, tổng lợi nhuận trước thuế lại tăng gần 20% với con số 33 tỷ đồng so với cùng kỳ 2016. Trong đó, hai hoạt động đóng góp doanh thu lớn nhất cho KBSV là hoạt động môi giới chứng khoán và tư vấn tài chính. Tính tới thời điểm cuối năm 2017, tổng tài sản của KBSV đạt hơn 699 tỷ đồng, tăng trưởng 11% so với thời điểm đầu năm, trong đó, tài sản ngắn hạn chiếm tới hơn 96%, ở mức 676 tỷ đồng.

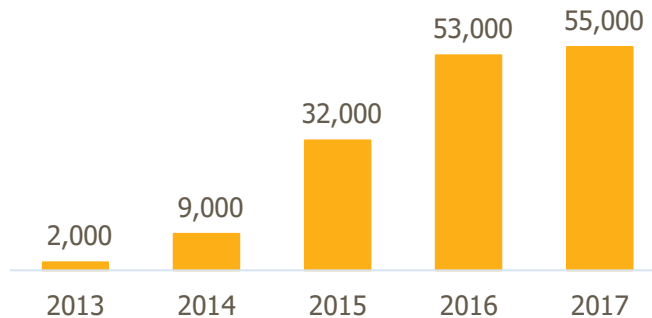
KẾT QUẢ KINH DOANH KBSV (đv: tỷ đồng)

Năm 2018, KBSV có kế hoạch tăng vốn lên 1,000 tỷ đồng, tiền vốn tăng thêm sẽ được sử dụng bổ sung vào vốn hoạt động kinh doanh của công ty, phục vụ cho việc mở rộng các nghiệp vụ kinh doanh hiện có cũng như nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán phái sinh, chứng quyền có đảm bảo hiện đang bắt triển khai tại thị trường Việt Nam.

Dịch vụ chứng khoán

Năm 2017 KBSV tập trung vào tăng trưởng bền vững, phát triển chất lượng tư vấn đầu tư cho khách hàng trong nước và mở rộng đầu tư nước ngoài, đặc biệt hướng tới khối khách hàng cá nhân và tổ chức/quỹ đầu tư đến từ Hàn Quốc. Kết quả ghi nhận:

- Doanh thu từ nghiệp vụ môi giới của KBSV trong năm 2017 đạt 58 tỷ đồng, tăng trưởng gần 20% so với năm trước.
- Tiền gửi của nhà đầu tư tại KBSV tăng mạnh từ mức 128 tỷ đồng lên trên 360 tỷ đồng.
- Số lượng tài khoản đạt trên 55,000 tài khoản, số lượng tài khoản không ngừng gia tăng thể hiện uy tín và thương hiệu của KBSV đối với Khách hàng và các Nhà đầu tư.

TÀI KHOẢN QUẢN LÝ

- Mục tiêu của KBSV năm 2018 tiếp tục tập trung nâng cao chất lượng môi giới, nâng cấp chất lượng sản phẩm, phát triển các tiện ích và dịch vụ giá trị gia tăng cho khách hàng. Một số kế hoạch hành động của mảng dịch vụ chứng khoán trong năm 2018 bao gồm:
 - ✓ Đẩy mạnh phát triển các ở tất cả các nhóm khách hàng, đặc biệt chú trọng nhóm khách hàng VIP và khách hàng nước ngoài (Hàn Quốc);
 - ✓ Liên tục đào tạo, chuẩn hóa đội ngũ nhân sự đảm bảo tính chuyên nghiệp, hướng đến chuẩn quốc tế; tuyển dụng nhân sự mới đáp ứng các mục tiêu của KBSV;
 - ✓ Nâng cao chất lượng báo cáo tư vấn cho khách hàng tổ chức;
 - ✓ Tổ chức các hội thảo liên quan đến cơ hội đầu tư vào Việt Nam cho KH tổ chức nước ngoài;
 - ✓ Đảm bảo đáp ứng đầy đủ nhu cầu vốn margin cho các hoạt động giao dịch của khách hàng;
 - ✓ Tiếp tục cải tiến các sản phẩm điện tử thân thiện với người sử dụng, phát triển công cụ giao dịch hiện đại, ổn định cho khách hàng nước ngoài;
 - ✓ Đặc biệt đẩy mạnh sản phẩm phân tích, nghiên cứu để cho ra những sản phẩm thực sự chất lượng, phục vụ cho khối khách hàng tổ chức và nước ngoài.

Dịch vụ Ngân hàng đầu tư

Năm 2017, khối Dịch vụ Ngân hàng đầu tư (IBD) của KBSV đã thực hiện thành công nhiều thương vụ ECM và DCM, thoái vốn thành công cho SCIC và Handico cùng nhiều khách hàng tiêu biểu như CERCO, Gold Mark, TNR Strar... Đặc biệt, cũng trong năm 2017, khối IB đã xây dựng được danh mục khách hàng cá nhân khoảng 1,000 nhà đầu tư với số dư trái phiếu lưu ký tại KBSV lên đến 1,000 tỷ đồng. Doanh thu năm 2017 gấp hơn 3 lần so với năm trước, đạt 14.3 tỷ đồng.

Năm 2018, mảng Dịch vụ Ngân hàng đầu tư sẽ tiếp tục phát huy các thế mạnh sẵn có, tăng cường nguồn nhân lực vào các dịch vụ tạo ra giá trị gia tăng cao cho khách hàng. Các sản phẩm bảo lãnh phát hành, tư vấn tái cấu trúc, tư vấn cổ phần hóa, tư vấn niêm yết, tư vấn M&A, tư vấn phát hành trái phiếu tiếp tục được chú trọng phát triển.

Trong lĩnh vực cổ phần hóa, thoái vốn, IBD đặt trọng tâm hướng đến khách hàng là các tổng công ty và doanh nghiệp nhà nước, theo sát lộ trình IPO theo yêu cầu của chính phủ.

Thị trường M&A mở ra cơ hội lớn cho IBD KBSV trong việc hỗ trợ và tư vấn cho KB Hàn Quốc khi thâm nhập vào thị trường Việt Nam, mở rộng mạng lưới doanh nghiệp, tìm kiếm các đối tác tiềm năng. Cũng trong năm nay, IBD KBSV chú trọng đầu tư phát triển trái phiếu và thiết lập thị trường giao dịch trái phiếu cho nhà đầu tư. Dịch vụ hứa hẹn mang đến một kênh đầu tư mới, chất lượng, an toàn và hoàn toàn tiện ích cho khách hàng.

Hoạt động Đầu tư

Năm 2017, hoạt động đầu tư của KBSV ghi nhận 5.2 tỷ đồng lợi nhuận. Ban Đầu tư đã thực hiện tốt nguyên tắc đầu tư và quản trị rủi ro. Công tác đánh giá danh mục và nhận định thị trường vẫn tiếp tục được thực hiện hàng tuần đảm bảo sự linh hoạt và kịp thời trong việc điều chỉnh danh mục đầu tư phù hợp với tình hình thực tế của thị trường.

Với nhận định tích cực về thị trường chứng khoán, hoạt động Đầu tư tự doanh năm 2018 về dự kiến được mở rộng, tận dụng tối đa cơ hội thị trường, quản trị danh mục hiệu quả để mang lại lợi nhuận cao nhất cho KBSV. Danh mục đầu tư dự kiến phát triển trên cả hai mảng cổ phiếu và trái phiếu chính phủ.

Năm 2018, hoạt động đầu tư của KBSV đặt kế hoạch tăng trưởng 40% so với cùng kỳ 2017.

Hoạt động Công nghệ thông tin

Công nghệ thông tin vẫn là một trong các thế mạnh của KBSV. Năm 2017, Công ty đã tiếp tục đầu tư nâng cấp hệ thống, triển khai xây dựng và hoàn thiện các sản phẩm ứng dụng công nghệ thông tin như KB-Mobile, KB-Trade đem lại các tiện ích tối ưu cho khách hàng. Bên cạnh việc nâng cấp toàn bộ trung tâm dữ liệu (DC), KBSV liên tục cập nhật các ứng dụng cho phần mềm giao dịch FLEX nhằm đẩy nhanh tốc độ giao dịch cho nhà đầu tư đồng thời đáp ứng nhu cầu sử dụng công nghệ thông minh của khách hàng và tăng trưởng quy mô kinh doanh công ty.

Hệ thống Front giai đoạn 2 đã được hoàn thành trong năm 2017, đảm bảo nhu cầu giao dịch nhanh và ổn định.

Cũng trong năm 2018, KBSV tập trung phát triển các tính năng cho giao diện KB-Mobile, ứng dụng hiện đại của công nghệ Hàn Quốc và tích hợp kết nối cơ sở dữ liệu với Bloomberg nhằm đem đến những sản phẩm công nghệ cao, nhưng công cụ phân tích chất lượng và cập nhật cho khách hàng.

Nhân sự & chính sách đối với người lao động

KBSV tự hào có được một môi trường làm việc trẻ trung, cởi mở, thân thiện, chuyên nghiệp hướng tới sự năng động và sáng tạo. Không có cơ hội cho sự áp đặt, độc đoán tồn tại bởi mỗi cá nhân đều được nói lên suy nghĩ của mình và được lắng nghe, tôn trọng, thấu hiểu. Mọi nhân viên luôn được tạo điều kiện để tìm tòi, sáng tạo, nêu lên những đề xuất của mình, được tự do thể hiện năng lực của mình. Tại KBSV, người lao động luôn được tạo mọi điều kiện để yên tâm, gắn bó lâu dài, vì vậy chính sách đãi ngộ lao động luôn được Công ty xem trọng và liên tục hoàn thiện. Các chế độ tiền lương, tiền thưởng được lập theo quy chế rõ ràng. Công ty cũng luôn chú trọng đến việc xây dựng hệ thống lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ cho người lao động phù hợp với từng thời kỳ và từng giai đoạn phát triển, đảm bảo tính linh hoạt, công bằng, tương xứng với mức độ cống hiến và cạnh tranh trong thị trường lao động.

Năm 2018, KBSV triển khai hệ thống chức danh và đánh giá nhân sự mới theo chuẩn quốc tế của Tập đoàn KB Hàn Quốc. Cũng trong năm nay, KBSV thực hiện chế độ bảo hiểm sức khỏe mới, nhằm nâng cao phúc lợi cho người lao động.

CỔ ĐÔNG

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ TỶ LỆ SỞ HỮU

Danh mục	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)	Số cổ đông (người)
A. CƠ CẤU TỶ LỆ SỞ HỮU			
Tổng số lượng cổ phần phổ thông:	30,000,000	100%	25
Cổ đông lớn (nắm giữ từ 5% vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên)	29,820,900	99.4%	1
Cổ đông nắm giữ dưới 5% cổ phần có quyền biểu quyết	179,100	0.6%	24
Trong đó:			
Nhà nước	0	0	0
Nước ngoài	1	0	0
B. CƠ CẤU VỐN CỔ ĐÔNG			
Nhà nước	0	0	0
Nước ngoài	29,820,900	99.4%	0
Cổ đông là tổ chức	29,820,900	99.4%	1
Cổ đông cá nhân	179,100	0.6%	24
C. Số lượng cổ phần			
Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	30,000,000	100%	25
Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	0	0	0

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Ông Lê Đình Ngọc, nguyên Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị, chuyển nhượng toàn bộ 1,300,100 cổ phiếu MSI vào ngày 18/08/2017;

Ông Thái Anh Tuấn, nguyên thành viên Hội Đồng Quản Trị, chuyển nhượng toàn bộ 600,000 cổ phiếu MSI vào ngày 6/10/2017;

Bà Hà Thị Bích Hạnh, nguyên Trưởng ban Kiểm soát, chuyển nhượng toàn bộ 2,667,600 cổ phiếu MSI vào ngày 6/10/2017.

BÁO CÁO MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI

Là một đơn vị kinh doanh uy tín trên thị trường tài chính, chứng khoán Việt Nam, KBSV luôn ý thức về các cam kết trách nhiệm đối với cộng đồng, xã hội nơi mà chính doanh nghiệp đang hoạt động. Chúng tôi hiểu rằng, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng không chỉ là trách nhiệm của các cơ sở giáo dục của nhà nước, mà các doanh nghiệp cần hỗ trợ đào tạo năng lực thực tiễn chính vì vậy KBSV rất tích cực tham gia, đồng hành cùng các Trường Đại học tổ chức các chương trình hướng nghiệp, đào tạo, xâm nhập thực tế cho sinh viên. Hàng năm, nhiều lượt sinh viên đã đến tham quan, kiến tập tại KBSV và không ít sinh viên xuất sắc đã trở thành KBSV-er sau thời gian thực tập.

Bên cạnh trách nhiệm đối với nguồn nhân lực, KBSV còn tích cực tham gia các chương trình thiện nguyện như quyên góp tiền phẫu thuật hàm mặt cho trẻ em thông qua những hành động nhỏ bé như mua bao lì xì của Quỹ Phẫu thuật Nụ Cười (Operation Smile Vietnam), đóng góp ủng hộ quyên góp từ thiện cho trẻ em mồ côi, trẻ em nghèo tại một số địa phương.

Tháng 4/2017, đoàn thiện nguyện của KBSV đã đến thăm và hỗ trợ, tặng quà các em nhỏ tại nhóm nghèo Văn Thụ, xã Nam Tuấn, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng. Với mong muốn lan tỏa yêu thương, sẻ chia nhọc nhằn với những hoàn cảnh khó khăn, KBSV ủng hộ những phần quà thiết thực bao gồm cả nhu yếu phẩm cho sinh hoạt hàng ngày và đồ dùng phục vụ việc học tập cho các em tiếp sức thêm cho hành trình vượt khó đi học của các em nhỏ cũng như truyền thêm lửa cho những tấm lòng nhân ái, nối dài những hành động thiện nguyện sau này.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN HÓA XANH

Công ty trong chưa tham gia vào thị trường vốn xanh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (HĐQT)**CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA HĐQT**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Miễn nhiệm
Ông Cho Nam Hoon	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 17/11/2017
	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 09/10/2017, miễn nhiệm ngày 17/11/2017
Ông Rho Seung Joon	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 10 năm 2017
Ông Jun Sang Hoon	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 10 năm 2017
Ông Lê Đình Ngọc	Chủ tịch	Bổ nhiệm năm 2012, miễn nhiệm ngày 17/11/2017
	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17/11/2017
Ông Mạc Quang Huy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 06 năm 2017

Ông Cho Nam Hoon - Chủ tịch HĐQT

Ông Cho Nam Hoon hiện là Giám đốc mảng Kinh doanh Toàn cầu của Công ty TNHH Chứng khoán KB Hàn Quốc. Ông Cho tốt nghiệp ngành kinh tế, Đại học Sungkyunkwan, Hàn Quốc năm 1994. Trước khi gia nhập Tập đoàn Tài chính KB, ông Cho đã gắn bó và giữ cương vị lãnh đạo tại Công ty Chứng khoán Deawoo Hàn Quốc trong vòng 20 năm.

Ông Cho Nam Hoon chính thức trở thành Chủ tịch Hội đồng Quản trị của CTCP Chứng khoán KB Việt Nam kể từ ngày 17/11/2017.

Ông Roh Seung Joon – Thành viên HĐQT

Ông Rho Seung Hoon hiện là Phó phòng Kinh doanh Toàn cầu của Công ty TNHH Chứng khoán KB Hàn Quốc. Ông Rho là Thạc sỹ Luật, Đại học Quốc gia Seoul, Hàn Quốc năm 2007. Ông Rho đã gắn bó với tập đoàn tài chính KB qua nhiều năm với kinh nghiệm đa dạng ở nhiều vị trí tại Tập đoàn cũng như các đơn vị thành viên: Ngân hàng KB và Công ty Chứng khoán KB từ năm 2008.

Ông Rho Seung Joon chính thức trở thành thành viên HĐQT của CTCP Chứng khoán KB Việt Nam kể từ ngày 09/10/2017.

Ông Jun Sang Hoon – Thành viên HĐQT

Ông Jun Sang Hoon hiện là Trưởng phòng Kinh doanh Toàn cầu của Công ty TNHH Chứng khoán KB Hàn Quốc. Ông Jun tốt nghiệp ngành Ngôn ngữ Pháp, Đại học Sungkyunkwan, Hàn Quốc năm 1998. Ông Jun đã gắn bó với Tập đoàn Tài chính KB qua nhiều năm với kinh nghiệm

đa dạng ở nhiều vị trí tại các đơn vị của Tập đoàn như: Công ty thẻ KB, Ngân hàng KB và Công ty Chứng khoán KB.

Ông Jun Sang Hoon chính thức trở thành thành viên Hội đồng Quản trị của CTCP Chứng khoán KB Việt Nam kể từ ngày 09/10/2017.

Ông Lê Đình Ngọc – Thành viên HĐQT

Ông Ngọc có thâm niên hơn 11 năm kinh nghiệm làm việc tại Công ty CP Chứng khoán Thăng Long (TLS) với vai trò quản lý cấp cao. Trong giai đoạn 2006-2011, với vai trò là Tổng Giám đốc, Ông Ngọc đã thành công trong việc dẫn dắt TLS trở thành một trong số ít các công ty chứng khoán hàng đầu, có uy tín tại Việt Nam, được cộng đồng các nhà đầu tư kính nể, với nhiều năm liên tiếp giữ được vị trí số 1 về thị phần giao dịch chứng khoán niêm yết trên cả hai Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Thành phố Hồ Chí Minh (HSX).

Ông Ngọc tham gia Hội đồng quản trị của KBSV từ tháng 5/2012 và có vai trò định hướng chiến lược đúng đắn để phát triển, tăng trưởng quy mô kinh doanh của KBSV.

Ông Mạc Quang Huy – Thành viên HĐQT

Ông Mạc Quang Huy là Tổng Giám đốc của KBSV từ tháng 01/2013. Ông Huy là một chuyên gia tài chính với trên 19 năm kinh nghiệm trong các lĩnh vực kế toán, kiểm toán, tư vấn tài chính và ngân hàng đầu tư. Ông Huy có 09 năm kinh nghiệm làm việc tại KPMG Việt Nam và Anh Quốc (1996-2005) với tư cách là Giám đốc Kiểm toán các ngân hàng và Giám đốc Cao cấp phụ trách mảng Tư vấn tài chính của KPMG Việt Nam. Từ 2005 tới 2010, Ông Huy đảm nhiệm nhiều vị trí cao cấp tại các ngân hàng đầu tư lớn trên thế giới như Lehman Brothers, Nomura tại Nhật Bản và Australia. Giai đoạn từ 2010-2012, Ông là Phó Tổng Giám đốc trực tiếp tham gia điều hành mảng Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư và sau đó phụ trách mảng Dịch vụ Chứng khoán của Công ty CP Chứng khoán Thăng Long (TLS). Ông Huy chính thức được bổ nhiệm vị trí thành viên HĐQT CTCP Chứng khoán KB Việt Nam kể từ ngày 20/06/2017.

Ông Huy là thạc sỹ MBA tại trường Herriot Watt, UK (2006), hội viên của Hiệp hội Chứng khoán và Đầu tư Công chứng Anh Quốc (MCSI). Ông Huy hiện là hội viên Hội Kế toán viên Công chứng Anh Quốc (ACCA) kiêm Chủ tịch Ủy ban Cố vấn ACCA tại Việt Nam (nhiệm kỳ 2016-2017). Ông Huy là Tác giả cuốn sách tài chính "Cẩm nang Ngân hàng Đầu tư" và nhiều bài báo, phỏng vấn được đăng tải trên các báo và tạp chí tài chính chuyên ngành.

TỶ LỆ SỞ HỮU CỦA THÀNH VIÊN HĐQT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ (%)
1	Ông Cho Nam Hoon	Chủ tịch HĐQT	0%
2	Ông Rho Seung Joon	Thành viên HĐQT	0%
3	Ông Jun Sang Hoon	Thành viên HĐQT	0%
4	Ông Lê Đình Ngọc	Thành viên HĐQT	0%
5	Mạc Quang Huy	Thành viên HĐQT	0%

CÁC ỦY BAN TRỰC THUỘC HĐQT**1. Kiểm toán nội bộ**

Kiểm toán Nội bộ được thành lập từ tháng 11/2013, là một đơn vị trực thuộc Hội đồng Quản trị, độc lập hoàn toàn với Ban điều hành theo các thông lệ tiên tiến về quản trị doanh nghiệp (Corporate Governance). Kiểm toán Nội bộ có nhiệm vụ đánh giá độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách pháp luật, điều lệ, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị; đánh giá việc tuân thủ quy định pháp luật, quy định nội bộ trong hoạt động của Công ty thông qua các hoạt động kiểm toán nội bộ.

Kiểm toán Nội bộ có nhiệm vụ thành lập các đoàn Kiểm toán Nội bộ để tiến hành kiểm toán nội bộ các hoạt động của Công ty một cách định kỳ hoặc theo chuyên đề. Báo cáo kiểm toán được báo cáo trực tiếp lên HĐQT.

2. Ủy ban Quản trị Rủi ro

Ủy ban Quản trị Rủi ro được thành lập vào tháng 11/2013, là một đơn vị trực thuộc Hội đồng Quản trị, độc lập hoàn toàn với Ban điều hành theo các thông lệ tiên tiến về quản trị doanh nghiệp (Corporate Governance). Ủy ban Quản trị Rủi ro là một bộ phận chuyên trách thuộc HĐQT nhằm giúp HĐQT thực hiện vai trò quản trị rủi ro của Công ty, bao gồm việc xây dựng, tư vấn các chính sách, chiến lược quản lý rủi ro trong hoạt động của Công ty; đánh giá về sự phù hợp, hiệu quả của hệ thống quản trị rủi ro đã được thiết lập trong Công ty.

3. Hội đồng Chính sách Dịch vụ Chứng khoán

Hội đồng Chính sách Dịch vụ Chứng khoán được thành lập từ tháng 12/2012, nhằm góp phần tăng cường chất lượng hoạt động cung cấp dịch vụ chứng khoán của KBSV, nâng cao tính cạnh tranh trên thị trường và quản trị rủi ro có thể xảy ra trong quá trình cung cấp dịch vụ. Hội

đồng Chính sách có chức năng phê duyệt điều chỉnh chính sách sản phẩm, chính sách dịch vụ khách hàng một cách linh hoạt và hiệu quả, đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng song vẫn đảm bảo việc quản trị rủi ro.

Hội đồng Chính sách DVCK được thành lập gồm Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu, Giám đốc Tài chính, Giám đốc Quản trị Rủi ro, Phó Tổng Giám đốc, và Tổng Giám đốc.

4. Hội đồng Đầu tư

Hội đồng Đầu tư được thành lập từ tháng 12/2012, là bộ phận chuyên trách của Hội đồng Quản trị, thực hiện thiết lập, hoạch định chính sách đầu tư và định hướng phát triển hoạt động đầu tư của KBSV một cách bài bản, chuyên nghiệp, phát huy hiệu quả của sức mạnh tập thể.

Hội đồng Đầu tư nhằm mục đích đảm bảo các hoạt động đầu tư tài chính và các hoạt động liên quan đến đầu tư tài chính được tiến hành phù hợp với các quy định của pháp luật và các quy định nội bộ khác của KBSV; kiểm soát chặt chẽ, nâng cao khả năng sinh lời, hiệu quả đầu tư, đảm bảo hoạt động đầu tư có tính ổn định, an toàn cao.

Hội đồng Đầu tư được thành lập gồm Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, một thành viên HĐQT và một đại diện Trung tâm Nghiên cứu.

HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1	Cho Nam Hoon	Chủ tịch HĐQT	6	100%
2	Rho Seung Joon	Thành viên HĐQT	6	100%
3	Jun Sang Hoon	Thành viên HĐQT	6	100%
4	Lê Đình Ngọc	Thành viên HĐQT	16	100%
5	Mạc Quang Huy	Thành viên HĐQT	8	100%

HĐQT luôn bám sát các hoạt động kinh doanh, trực tiếp đề ra các chủ trương nghị quyết và quyết định nhằm chỉ đạo kịp thời, tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Điều hành trong việc điều chỉnh các hoạt động kinh doanh của công ty.

- Bên cạnh việc giám sát hoạt động của Ban điều hành, HĐQT đã hoạt động tích cực trong khuôn khổ hoạt động của mình;
- Thông qua các quy chế phù hợp với tình hình thực tế, tạo khuôn khổ rõ ràng cho sự vận hành và kinh doanh của KBSV như: quy chế lương, quy chế tài chính, quy chế Hội đồng đầu tư...;

- Tổ chức các phiên họp để đưa ra những quyết định kịp thời cho việc hoạt động kinh doanh theo ý kiến đề xuất của Tổng Giám đốc đề từ đó đưa ra những ý kiến chỉ đạo hợp lý.

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2017

Năm 2017, KBSV đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đặt ra. Cụ thể:

- Hoạt động kinh doanh của công ty đã đạt được những giải thưởng và con số đáng khích lệ như:
 - ✓ Lợi nhuận trước thuế tăng gần 20% với con số 33 tỷ đồng so với cùng kỳ 2016;
 - ✓ Quản lý trên 55,000 tài khoản khách hàng;
 - ✓ Tổng tài sản của KBSV đạt gần 700 tỷ đồng, tăng trưởng 11% so với thời điểm đầu năm, trong đó, tài sản ngắn hạn chiếm tới hơn 96%, ở mức 676 tỷ đồng.
- Cả hai mảng hoạt động kinh doanh chính là Dịch vụ chứng khoán và Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư đồng thời phát triển;
- Đội ngũ nhân sự gọn nhẹ, tinh nhuệ đảm bảo hiệu quả và chất lượng công việc;
- Hệ thống quản trị rủi ro được giám sát và tuân thủ chặt chẽ, không phát sinh nợ xấu;
- Xây dựng văn hóa KBSV ngày càng rõ nét và sâu sắc;
- Chú trọng vào các hoạt động cộng đồng nhằm phát triển nguồn nhân lực cho đất nước cũng như tham gia các chương trình từ thiện đóng góp cho cộng đồng;
- Đặc biệt nhất trong năm nay, KBSV đã trở thành thành viên của Chứng Khoán KB Hàn Quốc và Tập đoàn Tài chính KB. Bước đầu chuyển mình sang trang mới trong hành trình lịch sử của mình.

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2018

HĐQT KBSV năm 2018 sẽ tập trung vào các công việc sau:

- Tăng cường công tác kiểm tra giám sát; củng cố và nâng cao năng lực của bộ máy kiểm tra, kiểm soát, kiểm toán nội bộ nhằm nâng cao hiệu quả và bảo toàn vốn. Thực hiện kế hoạch tăng vốn theo lộ trình trong năm 2018;
- Đi đôi với việc hoàn thiện chiến lược và các kế hoạch phát triển trung và dài hạn, tiếp tục bổ sung, hoàn thiện hệ thống quy chế, quy trình tác nghiệp, hệ thống báo cáo quản trị và thông tin quản lý, chú trọng công tác quản trị rủi ro, chuyên nghiệp hóa toàn hệ thống theo chuẩn quốc tế;
- Củng cố và nâng cao giá trị thương hiệu Chứng khoán KB, đưa thương hiệu KBSV trở thành một trong những thương hiệu hàng đầu của chứng khoán Việt Nam;
- Tăng cường quan hệ với cổ đông nhằm cung cấp thông tin tới công chúng một cách nhanh chóng, kịp thời và minh bạch;
- Tuân thủ và hoạt động theo Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị và các quy định nội bộ khác của Công ty.

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

- HĐQT luôn bám sát hoạt động kinh doanh đồng thời trực tiếp đề ra chủ trương, nghị quyết và quyết định nhằm chỉ đạo kịp thời và tạo điều kiện thuận lợi cho Ban điều hành công ty trong việc điều chỉnh các hoạt động của công ty;
- Triển khai các công việc liên quan đến tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017;
- Giám sát, chỉ đạo việc thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin định kỳ, bất thường tới UBCKNN, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh các hoạt động của Công ty theo quy định;
- Trong quan hệ với cổ đông: HĐQT luôn thông tin kịp thời các hoạt động, sự kiện của Công ty đến với các cổ đông qua Website công ty, công bố thông tin... Trong đó các sự kiện tiêu biểu như Báo cáo tài chính, quản trị Công ty, bổ nhiệm nhân sự Ban lãnh đạo;
- Chỉ đạo giám sát Ban điều hành trong việc thực hiện chế độ, chính sách, các quy định của Nhà Nước đối với người lao động để đảm bảo quyền lợi hợp của CBNV và các chế độ tăng lương, phụ cấp cho người lao động. Thực hiện tốt các nghĩa vụ của công ty đối với người lao động như đóng BHXH, BHYT, BHNT, tổ chức thăm hỏi ốm đau;
- Trong công tác phối hợp với Ban kiểm soát, các tờ trình, nghị quyết của HĐQT đều được gửi tới ban Kiểm soát để tạo thuận lợi cho công việc của thành viên Ban kiểm soát. Các công việc mang tính chuyên môn, nghiệp vụ của ban kiểm soát, Ban điều hành và công ty kiểm

toán cũng được HĐQT tạo điều kiện và chỉ đạo Ban điều hành cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin, tài liệu cho Ban kiểm soát.

BAN KIỂM SOÁT

CƠ CẤU TỔ CHỨC BAN KIỂM SOÁT NĂM 2018

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm
1	Phạm Thị Bích Thùy	Trưởng Ban	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 10 năm 2017
2	Đinh Thị Liên Hương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 10 năm 2017

TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ (%)
1	Phạm Thị Bích Thùy	Trưởng Ban Kiểm soát	0%
2	Đinh Thị Liên Hương	Thành viên Ban Kiểm soát	0%

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Nhân sự Ban Kiểm soát KBSV là các thành viên độc lập, không phải là người lao động của KBSV. Hoạt động của Ban kiểm soát tuân thủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty. Các hoạt động của Ban Kiểm soát bao gồm:

- Giám sát việc tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ công ty và Nghị quyết đại hội đồng cổ đông;
- Thẩm tra báo cáo tài chính của công ty hàng quý, 6 tháng và năm 2017. Giám sát tuân thủ các quy định về an toàn tài chính theo Thông tư 226/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 31/12/2010;
- Ban Kiểm soát tham gia cùng với HĐQT, Ban Điều hành trong việc kiểm tra tính hợp lệ đối với các quy trình, quy chế mới được ban hành;
- Năm 2017, Ban kiểm soát không nhận được bất cứ khiếu nại nào của cổ đông về tình hình hoạt động của KBSV.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Đơn vị kiểm toán: Deloitte Việt Nam

NỘI DUNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam (trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Maritime) (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Cho Nam Hoon	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 17 tháng 11 năm 2017) Ủy viên (bổ nhiệm ngày 09 tháng 10 năm 2017 (miễn nhiệm ngày 17 tháng 11 năm 2017)
Ông Lê Đình Ngọc	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 17 tháng 11 năm 2017 và trở thành Ủy viên ngày 17 tháng 11 năm 2017)
Ông Jun Sang Hoon	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 09 tháng 10 năm 2017)
Ông Rho Seung Joon	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 09 tháng 10 năm 2017)
Ông Mạc Quang Huy	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2017)
Ông Nguyễn Đức Hoàn	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 09 tháng 10 năm 2017)
Ông Thái Anh Tuấn	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 09 tháng 10 năm 2017)
Bà Đoàn Mỹ Bình	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2017) (miễn nhiệm ngày 09 tháng 10 năm 2017)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Mạc Quang Huy	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Hoàn	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Quyên	Quyền Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2017)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được Bộ Tài chính ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 210/2014/TT-BTC"), Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 ("Thông tư 334/2016/TT-BTC") sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được Bộ Tài chính ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC, Thông tư số 334/2016/TT-BTC và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Mạc Quang Huy
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2018

Số: /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam
(trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Maritime)

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam (trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Maritime) (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 02 năm 2018, từ trang 6 đến trang 39, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được Bộ Tài chính ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 210/2014/TT-BTC"), Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 ("Thông tư 334/2016/TT-BTC") sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được Bộ Tài chính ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC, Thông tư số 334/2016/TT-BTC và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Nguyễn Tuấn Anh****Giám đốc Kiểm toán**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1291-2018-001-1

A blue ink signature of Nguyễn Đức Nghĩa.

Nguyễn Đức Nghĩa**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3488-2015-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 28 tháng 02 năm 2018

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130)	100		676,739,670,897	600,397,615,155
I. Tài sản tài chính (110=111+112+113+114+115+116+117+118+119+122+129)	110		675,106,363,041	598,837,617,400
1. Tiền	111	4	28,687,105,624	45,400,859,363
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	112	6	11,467,758,995	119,059,346,197
3. Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	113	6,7	94,500,000,000	115,300,000,000
4. Các khoản cho vay	114	6,7	543,624,586,722	286,862,542,759
5. Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	115	6	897,376,000	897,376,000
6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116		(15,025,131,108)	(15,025,131,108)
7. Các khoản phải thu	117	7	3,659,356,836	43,496,864,561
7.1. Phải thu bán các tài sản tài chính	117.1		-	40,004,500,000
7.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2		3,659,356,836	3,492,364,561
7.2.1. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		3,659,356,836	3,492,364,561
8. Trả trước cho người bán	118	7	1,945,312,000	111,553,170
9. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	119	7	544,800,000	176,000,000
10. Các khoản phải thu khác	122	7	4,843,362,583	2,596,371,069
11. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129		(38,164,611)	(38,164,611)
II. Tài sản ngắn hạn khác (130=131+133+134)	130		1,633,307,856	1,559,997,755
1. Tạm ứng	131		44,651,000	314,324,000
2. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	8	1,162,487,419	1,048,700,083
3. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134		426,169,437	196,973,672

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250)	200		22,620,547,012	23,706,154,296
I. Tài sản cố định	220		14,032,455,255	17,235,046,645
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	8,741,166,690	11,182,327,869
- Nguyên giá	222		16,349,521,055	17,452,175,321
- Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(7,608,354,365)	(6,269,847,452)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	5,291,288,565	6,052,718,776
- Nguyên giá	228		13,945,895,915	12,887,691,248
- Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(8,654,607,350)	(6,834,972,472)
II. Tài sản dài hạn khác	250		8,588,091,757	6,471,107,651
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		15,000,000	15,000,000
2. Chi phí trả trước dài hạn	252	8	298,691,509	681,707,403
3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	11	8,274,400,248	5,774,400,248
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		699,360,217,909	624,103,769,451

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
NGUỒN VỐN				
C. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+340)	300		195,821,671,517	139,981,797,442
I. Nợ phải trả ngắn hạn	310		195,696,789,887	139,981,797,442
1. Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn	311	12	135,500,000,000	74,566,194,138
1.1. Vay ngắn hạn	312		135,500,000,000	74,566,194,138
2. Phải trả người bán ngắn hạn	320		52,289,800	15,457,267,500
3. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321		205,000,000	228,000,000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	13	7,472,337,712	1,060,446,216
5. Phải trả người lao động	323		4,499,313,742	3,718,916,804
6. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		385,287,178	323,839,178
7. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	14	6,753,256,156	2,961,832,045
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	329	15	38,745,144,457	38,279,514,721
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		2,084,160,842	3,385,786,840
II. Nợ phải trả dài hạn	340		124,881,630	-
1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	356		124,881,630	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		503,538,546,392	484,121,972,009
I. Vốn chủ sở hữu	410		503,538,546,392	484,121,972,009
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	16	300,000,000,000	300,000,000,000
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		300,000,000,000	300,000,000,000
a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		300,000,000,000	300,000,000,000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		829,800,870	829,800,870
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		17,906,831,534	15,700,221,396
4. Lợi nhuận chưa phân phối	417	17	184,801,913,988	167,591,949,743
4.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	417.1		184,344,824,330	167,591,949,743
4.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		457,089,658	-
TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440=300+400)	440		699,360,217,909	624,103,769,451

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
Đồng Việt Nam (VND)				
1. Cổ phiếu đang lưu hành	006		300,000,000,000	300,000,000,000
2. Cổ phiếu quỹ	007		-	-
3. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm lưu ký chứng khoán của công ty chứng khoán	008		10,100,590,000	20,294,500,000
<i>a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng</i>	<i>008.1</i>		<i>10,100,590,000</i>	<i>20,294,000,000</i>
<i>b. Tài sản tài chính chờ thanh toán</i>	<i>008.5</i>		<i>-</i>	<i>500,000</i>
4. Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán và chưa giao dịch của công ty chứng khoán	009		-	2,530,000
<i>a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng</i>	<i>009.1</i>		<i>-</i>	<i>2,530,000</i>
5. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán của công ty chứng khoán	012		336,000,000	113,489,620,000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
Số lượng chứng khoán (đơn vị)				
1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm lưu ký chứng khoán của Nhà đầu tư	021		425,121,508	316,426,331
<i>a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng</i>	<i>021.1</i>		<i>404,017,940</i>	<i>303,915,003</i>
<i>b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng</i>	<i>021.2</i>		<i>450,396</i>	<i>415,922</i>
<i>c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố</i>	<i>021.3</i>		<i>7,920,800</i>	<i>7,920,800</i>
<i>d. Tài sản tài chính chờ thanh toán</i>	<i>021.5</i>		<i>12,732,372</i>	<i>4,174,606</i>
2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022		5,178,874	3,217,093
<i>a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng</i>	<i>022.1</i>		<i>5,168,074</i>	<i>3,028,563</i>
<i>b. Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng</i>	<i>022.2</i>		<i>10,800</i>	<i>188,530</i>

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG (Tiếp theo)				
Đồng Việt Nam (VND)				
3. Tiền gửi của khách hàng	026		360,798,716,058	127,931,348,417
3.1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	027	25.1	359,434,962,771	122,713,553,814
3.2. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	029	25.1	1,363,753,287	5,217,794,603
<i>a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước</i>	029.1		395,906,128	4,459,286,176
<i>b. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài</i>	029.2		967,847,159	758,508,427
4. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	25.2	360,533,409,890	127,412,786,738
4.1. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		360,533,409,890	127,412,786,738
5. Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán	032		90,000,000	548,740,000



Nguyễn Thanh Huyền
Kế toán trưởng
Người lập



Mạc Quang Huy
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	01		4,258,576,150	8,357,691,995
<i>a. Lãi bán các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ</i>	<i>01.1</i>	<i>18.1</i>	<i>3,625,829,733</i>	<i>6,765,919,833</i>
<i>b. Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ</i>	<i>01.2</i>	<i>6</i>	<i>624,408,148</i>	<i>1,250,399,128</i>
<i>c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ</i>	<i>01.3</i>	<i>18.2</i>	<i>8,338,269</i>	<i>341,373,034</i>
1.2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	02	18.2	5,971,316,669	5,777,187,019
1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	18.2	49,156,006,452	63,622,533,545
1.4. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06	18.3	58,207,418,509	49,364,510,450
1.5. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	07	18.3	2,249,298,000	24,085,300,000
1.6. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09	18.3	1,996,214,396	1,595,273,639
1.7. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10	18.3	11,363,135,803	4,259,981,061
1.8. Thu nhập hoạt động khác	11	18.3	583,341,822	2,185,515,702
Cộng doanh thu hoạt động (20=01+02+03+06+07+09+10+11)	20		133,785,307,801	159,247,993,411

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1. Lãi các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	21		66,627,169	5,723,667,184
<i>a. Lãi bán các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ</i>	21.1	18.1	13,581,094	5,723,667,184
<i>b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính thông qua lãi/lỗ</i>	21.2	6	53,046,075	-
2.2. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	24		(1,648,899,713)	1,456,605,788
2.3. Chi phí hoạt động tự doanh	26		26,108,907	415,385,330
2.4. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27	19	60,146,586,733	58,814,971,086
2.5. Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	28		1,300,000,000	2,853,932,304
2.6. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30		3,878,802,575	3,529,600,073
2.7. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31		13,469,472,487	23,242,709,723
2.8. Chi phí các dịch vụ khác	32		-	5,809,091
Cộng chi phí hoạt động (40=21+24+26+27+28+30+31+32)	40		77,238,698,158	96,042,680,579

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3.1. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42	20	2,266,083,654	2,143,976,714
Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 42)	50		2,266,083,654	2,143,976,714
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
4.1. Chi phí lãi vay	52		10,392,373,145	24,563,145,410
4.2. Chi phí tài chính khác	55		745,338,156	432,589,119
Cộng chi phí tài chính (60=52+55)	60	21	11,137,711,301	24,995,734,529
V. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	22	13,133,095,260	12,614,688,978
VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70=20+50-40-60-62)	70		34,541,886,736	27,738,866,039
VII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
7.1. Thu nhập khác	71		10,470,234	543,518
7.2. Chi phí khác	72		1,672,842,508	110,126,097
Cộng kết quả hoạt động khác (80=71-72)	80		(1,662,372,274)	(109,582,579)
VIII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90=70+80)	90		32,879,514,462	27,629,283,460
8.1. Lợi nhuận đã thực hiện	91		32,308,152,389	27,629,283,460
8.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	92		571,362,073	-
IX. CHI PHÍ THUẾ TNDN	100		12,800,957,037	5,563,182,085
9.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	23	12,676,075,407	5,563,182,085
9.2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2		124,881,630	-
X. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200=90-100)	200		20,078,557,425	22,066,101,375
10.1. Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho chủ sở hữu	201		20,078,557,425	22,066,101,375
XI. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG	500			
11.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/cổ phiếu)	501	24	669	713



Nguyễn Thanh Huyền
Kế toán trưởng
Người lập



Mạc Quang Huy
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	01	32,879,514,462	27,629,283,460
2. Điều chỉnh cho các khoản:	02		
- Khấu hao tài sản cố định	03	4,690,313,890	3,522,844,393
- Các khoản dự phòng	04	-	206,206,660
- Chi phí lãi vay	06	10,392,373,145	24,563,145,410
- Lãi từ hoạt động đầu tư	07	(2,274,421,923)	(2,376,852,663)
- Dự thu tiền lãi	08	(3,659,356,836)	(3,492,364,561)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30	42,028,422,738	50,052,262,699
- Giảm (tăng) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	31	107,591,587,202	(74,345,191,333)
- Giảm (tăng) các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	32	20,800,000,000	(34,800,000,000)
- (Tăng) giảm tăng các khoản cho vay	33	(256,762,043,963)	232,877,166,827
- Giảm phải thu bán các tài sản tài chính	35	40,004,500,000	38,786,636,300
- Giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	36	3,659,356,836	3,492,364,561
- (Tăng) giảm các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	37	(368,800,000)	10,192,200,000
- (Tăng) giảm các khoản phải thu khác	39	(2,246,991,514)	267,304,055,351
- (Tăng) giảm các tài sản khác	40	(1,564,085,830)	628,981,790
- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41	2,470,793,280	(13,737,658)
- Giảm chi phí trả trước	42	269,228,558	1,038,551,132
- Thuế TNDN đã nộp	43	(7,302,246,715)	(7,852,221,754)
- Lãi vay đã trả	44	(9,071,742,314)	(140,444,725,283)
- (Giảm) tăng phải trả cho người bán	45	(15,427,977,700)	12,829,977,700
- Tăng (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi cho nhân viên	46	61,448,000	(14,896,751)
- Tăng (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47	1,038,062,804	(1,076,634,786)
- Tăng (giảm) phải trả người lao động	48	780,396,938	(561,115,646)
- Tăng phải trả, phải nộp khác	50	465,629,736	11,915,770,885
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	52	(4,692,804,805)	(3,421,537,540)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60	(78,267,266,749)	366,587,906,494

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác	61	(1,487,722,500)	(15,439,168,500)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư dài hạn	65	2,107,429,648	101,797,835,646
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70	619,707,148	86,358,667,146
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay gốc	73	485,598,691,192	622,265,704,972
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	74	(424,664,885,330)	(1,167,699,510,834)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80	60,933,805,862	(545,433,805,862)
IV. Tăng/giảm tiền thuần trong năm	90	(16,713,753,739)	(92,487,232,222)
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	101	45,400,859,363	137,888,091,585
- Tiền	101.1	45,400,859,363	137,888,091,585
- Các khoản tương đương tiền	101.2	-	-
VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	103	28,687,105,624	45,400,859,363
- Tiền	103.1	28,687,105,624	45,400,859,363

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng		232,867,367,641	(116,121,784,679)
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01	17,053,858,661,250	14,634,537,717,800
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02	(16,820,991,293,609)	(14,750,659,502,479)
Tăng/giảm tiền thuần trong năm	20	232,867,367,641	(116,121,784,679)
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	30	127,931,348,417	244,053,133,096
Tiền gửi ngân hàng đầu năm:	31		
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	32	122,713,553,814	243,858,012,580
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	34	5,217,794,603	195,120,516
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng (40=20+30)	40	360,798,716,058	127,931,348,417
Tiền gửi ngân hàng cuối năm:	41		
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	42	359,434,962,771	122,713,553,814
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	45	1,363,753,287	5,217,794,603



Nguyễn Thanh Huyền
Kế toán trưởng
Người lập



Mạc Quang Huy
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2018

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số đầu năm		Năm 2016		Năm 2017		Số cuối năm	
		Năm trước	Năm nay	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Năm trước	Năm nay
		VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	16	300,000,000,000	300,000,000,000	-	-	-	-	300,000,000,000	300,000,000,000
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu		300,000,000,000	300,000,000,000	-	-	-	-	300,000,000,000	300,000,000,000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		829,800,870	829,800,870	-	-	-	-	829,800,870	829,800,870
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		11,198,474,096	15,700,221,396	4,501,747,300	-	2,206,610,138	-	15,700,221,396	17,906,831,534
4. Lợi nhuận chưa phân phối	17	151,378,119,858	167,591,949,743	22,066,101,375	5,852,271,490	20,078,557,425	2,868,593,180	167,591,949,743	184,801,913,988
4.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		151,378,119,858	167,591,949,743	22,066,101,375	5,852,271,490	19,621,467,767	2,868,593,180	167,591,949,743	184,344,824,330
4.2. Lợi nhuận chưa thực hiện		-	-	-	-	457,089,658	-	-	457,089,658
Cộng		463,406,394,824	484,121,972,009	26,567,848,675	5,852,271,490	22,285,167,563	2,868,593,180	484,121,972,009	503,538,546,392



Nguyễn Thanh Huyền
Kế toán trưởng
Người lập



Mạc Quang Huy
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam (trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Maritime) (gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp được thành lập tại Việt Nam với thời gian hoạt động không thời hạn theo Quyết định số 77/UBCK-GPHĐKD ngày 11 tháng 6 năm 2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, với tên gọi lúc thành lập là Công ty Cổ phần Chứng khoán Standard. Trong quá trình hoạt động, Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép số 371/UBCK-GP ngày 22 tháng 11 năm 2010 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật, Giấy phép số 381/UBCK-GP ngày 31 tháng 12 năm 2010 về việc tăng vốn điều lệ, Giấy phép số 09/GPĐC-UBCK ngày 27 tháng 01 năm 2011 về việc thay đổi tên Công ty và bổ sung ngành nghề kinh doanh, Giấy phép số 25/GPĐC-UBCK ngày 08 tháng 4 năm 2011 về việc thay đổi địa điểm trụ sở chính, Quyết định số 401/QĐ-UBCK ngày 02 tháng 7 năm 2013 về việc chấp nhận thành lập chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Quyết định số 379/QĐ-UBCK ngày 26 tháng 5 năm 2014 về việc chấp nhận thành lập chi nhánh Hà Nội, Giấy phép số 35/GPĐC-UBCK ngày 07 tháng 8 năm 2015 về việc thay đổi tên Công ty và Giấy phép điều chỉnh số 07/GPĐC-UBCK ngày 17 tháng 01 năm 2018 về việc đổi tên Công ty từ Công ty Cổ phần Chứng khoán Maritime trở thành Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam.

Hiện tại, Công ty là thành viên của Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và là thành viên lưu ký của Trung tâm lưu ký chứng khoán.

Công ty có 02 chi nhánh: chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh tại tầng 2, số 180-192 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1 và chi nhánh Hà Nội tại tầng 9, TNR Tower Hoàn Kiếm, 115 Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 146 người (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 123 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán; tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán; tự doanh chứng khoán; bảo lãnh phát hành chứng khoán; lưu ký chứng khoán và thực hiện các nghiệp vụ khác phù hợp với quy định của pháp luật đối với công ty chứng khoán.

Hạn chế đầu tư của Công ty chứng khoán

Công ty thực hiện theo Điều 44 Thông tư số 210/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2012 và Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 sửa đổi, bổ sung:

Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.

Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản theo quy định tại khoản 1 Điều 44 và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.

Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự

doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu.

Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:

- a) Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
- b) Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
- c) Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
- d) Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
- đ) Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
- e) Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;
- g) Đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

Công ty chứng khoán được thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con. Trong trường hợp này, công ty chứng khoán không phải tuân thủ quy định tại điểm c, d và đ khoản 4 Điều 44. Công ty chứng khoán dự kiến thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con phải đáp ứng các điều kiện sau:

- a) Vốn chủ sở hữu sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải bằng vốn pháp định cho các nghiệp vụ kinh doanh công ty đang thực hiện;
- b) Tỷ lệ vốn khả dụng sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải đạt một trăm tám mươi phần trăm (180%);
- c) Công ty chứng khoán sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ phải đảm bảo tuân thủ hạn chế vay nợ quy định tại Điều 42 Thông tư này và hạn chế đầu tư quy định tại khoản 3 Điều này và điểm e khoản 4 Điều này.

Trường hợp công ty chứng khoán đầu tư vượt quá hạn mức do thực hiện bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, do hợp nhất, sáp nhập hoặc do biến động tài sản, vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán hoặc tổ chức góp vốn, công ty chứng khoán phải áp dụng các biện pháp cần thiết để tuân thủ hạn mức đầu tư theo quy định tại khoản 2, 3 và 4 Điều này tối đa trong thời hạn một (01) năm.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016. Một số số liệu của Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Báo cáo tình hình biến động vốn chủ hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đã được phân loại lại cho mục đích so sánh do ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư số 334/2016/TT-BTC trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC, Thông tư số 334/2016/TT-BTC về việc hướng dẫn kế toán áp dụng

đối với công ty chứng khoán. Các thông tư này đưa ra các quy định liên quan đến chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán cũng như phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty chứng khoán.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Tuyên bố về tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được Bộ Tài chính ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC, Thông tư số 334/2016/TT-BTC và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được Bộ Tài chính ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC, Thông tư số 334/2016/TT-BTC và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng và tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán.

Tiền gửi ngân hàng bao gồm tiền gửi thanh toán của Công ty.

Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán là số tiền của công ty chứng khoán để sẵn sàng tham gia thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán.

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ bao gồm các tài sản tài chính được nắm giữ cho mục đích kinh doanh, hoặc các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được đánh giá lại theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty. Chênh lệch đánh giá lại phát sinh sẽ được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí từ tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định mà Công ty có dự định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ các tài sản tài chính phi phái sinh đã được phân loại vào nhóm tài sản tài

chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, tài sản tài chính sẵn sàng để bán hoặc nhóm tài sản tài chính phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này. Sau khi ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành áp dụng cho công ty chứng khoán. Các khoản cho vay được ghi nhận theo giá gốc.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán; hoặc không được phân loại là các khoản cho vay và các khoản phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này. Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán được ghi nhận theo giá trị hợp lý trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty; trừ trường hợp tài sản tài chính là công cụ vốn không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và các khoản đầu tư mà giá trị của nó không thể xác định một cách đáng tin cậy, tiếp tục được ghi nhận theo giá gốc.

Chênh lệch đánh giá lại phát sinh trong năm được ghi nhận vào chỉ tiêu "Lãi/(lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán" thuộc "Thu nhập (lỗ) toàn diện khác sau thuế thu nhập doanh nghiệp" trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Nguyên tắc đánh giá lại các tài sản tài chính

Việc đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ và sẵn sàng để bán theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty được sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các tài sản tài chính. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được Ban Tổng Giám đốc chấp thuận.

Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.

Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.

Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính gần nhất.

Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để đánh giá là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá một tháng tính đến ngày đánh giá lại.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại thời điểm gần nhất.

Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính

Công ty thực hiện trích lập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn và sẵn sàng để bán khi có các bằng chứng khách quan về sự suy giảm giá trị hợp lý của tài sản tài chính theo hướng dẫn của Thông tư số 210/2014/TT-BTC.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nợ phải thu bao gồm phải thu từ hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu phí cung cấp dịch vụ môi giới, tư vấn cho nhà đầu tư, lãi dự thu về dịch vụ tài chính, và các khoản phải thu về dịch vụ khác.

Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán: Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm phải thu khách hàng về giao dịch ký quỹ, phải thu nhà đầu tư trong giao dịch chứng khoán về phí dịch vụ môi giới, phí lưu ký chứng khoán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm nay
	Số năm
Máy móc, thiết bị	03 - 05

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình bao gồm phần mềm máy tính. Phần mềm máy tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 3 đến 5 năm.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các chi phí dịch vụ trả trước, giá trị công cụ, dụng cụ. Các khoản trả trước này được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ

một năm trở lên. Các khoản chi phí trả trước dài hạn được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu

Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, gốc và lãi trái phiếu mà Công ty phải trả hệ cho các chủ sở hữu chứng khoán do tổ chức phát hành chứng khoán ủy quyền.

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán còn bao gồm các khoản trả phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và các khoản phải trả khác.

Doanh thu

Hoạt động đầu tư vào công cụ tài chính

Doanh thu hoạt động đầu tư vào công cụ tài chính bao gồm lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, Lãi từ các khoản cho vay và phải thu, Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán ghi nhận các khoản chênh lệch lãi bán tài sản tài chính của công ty chứng khoán (được ghi nhận dựa trên Thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán) và khoản thu lợi tức cổ phiếu, lãi trái phiếu, thu từ tài sản tài chính (lãi từ cổ phiếu được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở thông báo chia lãi của tổ chức có cổ phần do Công ty nắm giữ; lãi đầu tư trái phiếu và lãi từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích).

Hoạt động môi giới chứng khoán cho nhà đầu tư và hoạt động lưu ký chứng khoán

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán và hoạt động lưu ký chứng khoán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi thỏa mãn cả bốn (4) điều kiện sau đây:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Báo cáo tình hình tài chính; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Hoạt động bảo lãnh phát hành, đại lý phát hành chứng khoán

Doanh thu hoạt động bảo lãnh phát hành và đại lý phát hành chứng khoán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi hoàn thành việc thông báo kết quả phát hành chứng khoán.

Hoạt động tư vấn

Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ đã được cung cấp, doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Hoạt động ủy thác đầu giá

Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi thực thu.

Doanh thu khác

Doanh thu khác được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Các khoản doanh thu liên quan đến nhiều kỳ kế toán được ghi nhận theo tiến độ hoàn thành hoặc phân bổ theo đường thẳng trong thời gian cung cấp dịch vụ. Giá trị chưa phân bổ được ghi nhận là doanh thu chưa thực hiện trên báo cáo tình hình tài chính.

Chi phí hoạt động

Chi phí hoạt động bao gồm Lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, hoạt động tự doanh và chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ.

Lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính phản ánh các khoản lỗ do bán các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay và các khoản lỗ, tổn thất về các tài sản tài chính thuộc danh mục đầu tư Tài sản tài chính của Công ty chứng khoán, bao gồm các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, Lãi từ các khoản cho vay và phải thu, Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán và chi phí hoạt động tự doanh.

Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ phản ánh các chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ trực tiếp của Công ty chứng khoán bao gồm Chi phí hoạt động tự doanh, Chi phí môi giới chứng khoán, Chi phí hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán, Chi phí tư vấn và các chi phí hoạt động khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty chứng khoán bao gồm chi phí lương và các khoản trích theo lương của nhân viên bộ phận quản lý, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ dụng cụ, khấu hao tài sản cố định, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác dùng cho hoạt động quản lý.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	28,619,301,857	45,374,091,548
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	67,803,767	26,767,815
	28,687,105,624	45,400,859,363

5. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	<u>Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm</u>	<u>Giá trị giao dịch thực hiện trong năm</u>
	Số lượng	VND
Của công ty chứng khoán	16,087,420	155,791,368,500
Cổ phiếu	16,087,420	155,791,368,500
Của nhà đầu tư	2,308,520,280	32,877,469,392,700
Cổ phiếu	2,308,520,280	32,877,469,392,700

6. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ				
Cổ phiếu niêm yết				
SSI	5,419,194,567	5,762,188,800	1,674,717	1,470,000
BCG	3,576,984,454	3,732,856,170	11,859,961,244	10,230,813,840
FIT	1,643,082,141	1,606,775,950	1,122,571	528,640
MBB	1,563,679	9,321,800	15,405,795,322	15,405,795,322
Cổ phiếu khác - Tăng giá	179,874,433	297,658,511	173,615,059	154,661,398
Cổ phiếu khác - Giảm giá	75,697,648	58,957,764	-	-
Cổ phiếu chưa niêm yết				
MSB	-	-	93,266,076,997	93,266,076,997
Tổng cộng	10,896,396,922	11,467,758,995	120,708,245,910	119,059,346,197
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
BTL	897,376,000	897,376,000	897,376,000	897,376,000
Tổng cộng	897,376,000	897,376,000	897,376,000	897,376,000
Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn				
Tiền gửi kỳ hạn trên 03 tháng				
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương tín (Vietbank)	44,500,000,000	không áp dụng	65,300,000,000	không áp dụng
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) (*)	50,000,000,000	không áp dụng	50,000,000,000	không áp dụng
Tổng cộng	94,500,000,000		115,300,000,000	
Các khoản cho vay và phải thu				
Cho vay hoạt động margin	448,602,794,518	không áp dụng	233,075,433,878	không áp dụng
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán	95,021,792,204	không áp dụng	53,787,108,881	không áp dụng
Tổng cộng	543,624,586,722		286,862,542,759	

*' Khoản tiền gửi này được cầm cố cho khoản vay thấu chi tại BIDV (xem Thuyết minh số 12).

6. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Tình hình biến động giá trị thị trường của các tài sản tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

STT	Tài sản tài chính	Giá mua	Giá trị thị trường hoặc giá trị năm nay	Chênh lệch đánh giá lại năm nay	
				Tăng	Giảm
		VND	VND	VND	VND
I	Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	10,896,396,922	11,467,758,995	624,408,148	(53,046,075)
	Cổ phiếu	10,896,396,922	11,467,758,995	624,408,148	(53,046,075)
II	Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	94,500,000,000			
	Các khoản tiền gửi có kỳ hạn	94,500,000,000	không áp dụng		
III	Các khoản cho vay	543,624,586,722	-		
	Cho vay hoạt động margin	448,602,794,518	không áp dụng		
	Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán	95,021,792,204	không áp dụng		
IV	Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	897,376,000	897,376,000		
	BTL	897,376,000	897,376,000		
	Tổng cộng	649,918,359,644		624,408,148	(53,046,075)

Tình hình biến động giá trị thị trường của các tài sản tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

STT	Tài sản tài chính	Giá mua	Giá trị thị trường hoặc giá trị năm trước (*)	Chênh lệch đánh giá lại năm trước	
				Tăng	Giảm
		VND	VND	VND	VND
I	Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	120,708,245,910	119,059,346,197	58,158,560	(1,648,899,713)
	Cổ phiếu	120,708,245,910	119,059,346,197	58,158,560	(1,648,899,713)
II	Tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn	115,300,000,000			
	Các khoản tiền gửi có kỳ hạn	115,300,000,000	không áp dụng		
III	Các khoản cho vay	286,862,542,759	-		
	Cho vay hoạt động margin	233,075,433,878	không áp dụng		
	Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán	53,787,108,881	không áp dụng		
IV	Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	897,376,000	897,376,000		
	BTL	897,376,000	897,376,000		
	Tổng cộng	523,768,164,669	119,956,722,197	58,158,560	(1,648,899,713)

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty ghi nhận các tài sản tài chính theo phương pháp giá gốc và trích lập dự phòng giảm giá các tài sản tài chính.

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	<u>Số cuối năm</u> <u>VND</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>VND</u>
1. Phải thu bán các tài sản tài chính	-	40,004,500,000
<i>Trong đó:</i>		
<i>Chi tiết các khoản phải thu về bán các khoản đầu tư không có khả năng thu hồi</i>	-	-
2. Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	3,659,356,836	3,492,364,561
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	627,750,000	1,324,133,333
Dự thu tiền lãi nghiệp vụ Margin	3,031,606,836	2,168,231,228
<i>Trong đó:</i>		
<i>Chi tiết các khoản phải thu và dự thu khó đòi về cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư</i>	-	-
3. Các khoản phải thu các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	94,500,000,000	115,300,000,000
<i>Trong đó:</i>		
<i>Chi tiết các khoản phải thu các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn không có khả năng thu hồi vốn</i>	-	-
4. Phải thu các khoản cho vay	543,624,586,722	286,862,542,759
<i>Trong đó:</i>		
<i>Chi tiết các khoản phải thu các khoản cho vay không có khả năng thu hồi vốn</i>	-	-
5. Trả trước cho người bán	1,945,312,000	111,553,170
6. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	544,800,000	176,000,000
7. Các khoản phải thu khác	4,843,362,583	2,596,371,069
Khác	4,843,362,583	2,596,371,069
<i>Trong đó:</i>		
<i>Chi tiết phải thu khác khó đòi</i>	38,164,611	38,164,611
	649,117,418,141	448,543,331,559

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	1,162,487,419	1,048,700,083
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1,162,487,419	1,048,700,083
Chi phí trả trước dài hạn	298,691,509	681,707,403
- Chi phí trả trước về sửa chữa văn phòng	231,153,035	231,153,035
- Chi phí trả trước dài hạn khác	67,538,474	450,554,368
Tổng cộng	1,461,178,928	1,730,407,486

9. TĂNG/GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<u>Máy móc, thiết bị</u> VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	17,452,175,321
- Mua trong năm	39,710,000
- Giảm khác	(1,142,364,266)
Số dư cuối năm	16,349,521,055
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	6,269,847,452
- Khấu hao trong năm	2,480,871,179
- Giảm khác	(1,142,364,266)
Số dư cuối năm	7,608,354,365
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu năm	11,182,327,869
Tại ngày cuối năm	8,741,166,690

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 3.944.342.555 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 5.086.706.821 VND).

10. TĂNG/GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	12,887,691,248
- Mua trong năm	1,448,012,500
- Giảm khác	(389,807,833)
Số dư cuối năm	13,945,895,915
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	6,834,972,472
- Khấu hao trong năm	2,209,442,711
- Giảm khác	(389,807,833)
Số dư cuối năm	8,654,607,350
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu năm	6,052,718,776
Tại ngày cuối năm	5,291,288,565

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 981.812.950 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 1.038.609.833 VND).

11. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền nộp ban đầu	120,000,000	120,000,000
Tiền nộp bổ sung	7,467,194,851	5,286,337,219
Tiền lãi phân bổ trong năm	687,205,397	368,063,029
	8,274,400,248	5,774,400,248

12. VAY NGẮN HẠN

Loại vay ngắn hạn	Lãi suất	Số dư đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số dư cuối năm
	%	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (i)	7.0	-	335,500,000,000	235,500,000,000	100,000,000,000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành (ii)	6.3	24,566,194,138	150,098,691,192	139,164,885,330	35,500,000,000
Ngân hàng TNHH Indovina	8.5	50,000,000,000	-	50,000,000,000	-
Tổng cộng		74,566,194,138	485,598,691,192	424,664,885,330	135,500,000,000

(i) Hợp đồng thấu chi với hạn mức 49,95 tỷ VND với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành. Thời hạn thấu chi là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất 6,3%/năm trong suốt thời hạn vay. Mục đích thấu chi dùng để bù đắp thiếu hụt vốn lưu động. Khoản thấu chi được đảm bảo bằng 03 Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn mở tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành với giá trị 50 tỷ VND.

(ii) Hợp đồng tín dụng hạn mức 100 tỷ VND với Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam. Thời hạn các khoản vay theo từng Giấy cam kết trả nợ, nhưng không quá 03 tháng, lãi suất được ấn định theo từng giấy cam kết trả nợ. Mục đích của khoản tín dụng để tài trợ đầu tư, kinh doanh trái phiếu chính phủ. Đây là khoản vay tín chấp.

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chi tiêu	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	25,852,719	12,676,075,407	7,302,246,715	5,399,681,411
Thuế thu nhập cá nhân	998,957,133	18,891,255,200	18,087,313,882	1,802,898,451
Các loại thuế khác	35,636,364	664,517,714	430,396,228	269,757,850
Cộng	1,060,446,216	32,231,848,321	25,819,956,825	7,472,337,712

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Trích trước lãi vay phải trả	320,833,333	649,305,555
Trích trước lãi đặt cọc môi giới phải trả	2,303,939,896	654,836,843
Chi phí phải trả Sở Giao dịch Chứng khoán và Trung tâm lưu ký chứng khoán	-	613,440,236
Chi phí phải trả khác	4,128,482,927	1,044,249,411
	<u>6,753,256,156</u>	<u>2,961,832,045</u>

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Hợp đồng đặt cọc môi giới (i)	37,352,241,509	36,829,986,869
Cổ tức trả hộ Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	345,562,247	379,171,827
Khác	1,047,340,701	1,070,356,025
	<u>38,745,144,457</u>	<u>38,279,514,721</u>

- (i) Đây là các hợp đồng đặt cọc môi giới chứng khoán ngắn hạn được ký kết với khách hàng. Theo hợp đồng, Công ty sẽ tìm kiếm đối tác có nhu cầu bán các loại chứng khoán với đặc điểm và nội dung theo yêu cầu của khách hàng. Để đảm bảo thực hiện hợp đồng, khách hàng đặt cọc cho Công ty một khoản tiền nhất định. Công ty sẽ thu phí môi giới chứng khoán theo tỷ lệ trên tổng giá trị chứng khoán giao dịch thành công thông qua môi giới. Trong trường hợp chấm dứt hợp đồng do khách hàng không có nhu cầu tiếp tục mua chứng khoán và Công ty chưa hoàn thành nghĩa vụ môi giới chứng khoán, Công ty sẽ trả lại số tiền đặt cọc và tiền lãi trên số tiền đặt cọc và số ngày thực tế giữ số tiền đặt cọc với lãi suất quy định trong hợp đồng.

16. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	30,000,000	300,000,000,000	30,000,000	300,000,000,000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	30,000,000	300,000,000,000	30,000,000	300,000,000,000
Số cổ phiếu hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	30,000,000	300,000,000,000	30,000,000	300,000,000,000

17. TÌNH HÌNH PHÂN PHỐI THU NHẬP CHO CỔ ĐÔNG

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi đã thực hiện chưa phân phối năm trước	167,591,949,743	151,378,119,858
Lãi đã thực hiện năm nay	19,621,467,767	22,066,101,375
Lãi chưa thực hiện năm nay	457,089,658	-
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	(2,206,610,138)	(4,501,747,300)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi, thù lao Ban kiểm soát	(661,983,042)	(1,350,524,190)
	184,801,913,988	167,591,949,743

Trong năm, Công ty đã thực hiện trích các lập các quỹ dự phòng tài chính, quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 20 tháng 6 năm 2017. Ngoài ra, Nghị quyết đại hội đồng cổ đông cũng phê duyệt phương án không trả cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

18. THU NHẬP**18.1 LÃI/LỖ BÁN CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH**

ST T	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi bán chứng khoán năm nay	Lãi bán chứng khoán năm trước
		đơn vị	VND	VND	VND	VND
1	Cổ phiếu niêm yết	3,346,980	40,884,011,700	37,258,181,967	3,625,829,733	5,434,135,001
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-	-	-	1,331,784,832
			40,884,011,700	37,258,181,967	3,625,829,733	6,765,919,833

ST T	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lỗ bán chứng khoán năm nay	Lỗ bán chứng khoán năm trước
		đơn vị	VND	VND	VND	VND
1	Cổ phiếu niêm yết	89,302	462,659,404	471,225,578	(8,566,174)	(5,675,687,884)
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	11,324,962	93,261,062,070	93,266,076,990	(5,014,920)	(1,609,300)
3	Trái phiếu niêm yết				-	(33,410,000)
4	Trái phiếu chưa niêm yết				-	(12,960,000)
			93,723,721,474	93,737,302,568	(13,581,094)	(5,723,667,184)

18.2. CỐ TỨC VÀ TIỀN LÃI PHÁT SINH TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH GHI NHẬN THÔNG QUA LÃI/LỖ, PHẢI THU VÀ CHO VAY, SẴN SÀNG ĐỂ BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Từ tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	8,338,269	341,373,034
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>	<i>8,338,269</i>	<i>341,373,034</i>
Từ tài sản tài chính phải thu và cho vay	49,156,006,452	63,622,533,545
Từ tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn	5,971,316,669	5,777,187,019
<i>Lãi tiền gửi có kỳ hạn</i>	<i>5,971,316,669</i>	<i>5,777,187,019</i>
	55,135,661,390	69,741,093,598

18.3. DOANH THU NGOÀI THU NHẬP TỪ BÁN CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Các doanh thu ngoài thu nhập từ bán các tài sản tài chính không phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu.

19. CHI PHÍ MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	13,925,584,472	10,701,891,341
Chi phí quản lý nghiệp vụ môi giới	46,221,002,261	48,113,079,745
<i>Chi phí nhân viên</i>	<i>31,556,607,083</i>	<i>32,273,242,956</i>
<i>Chi phí công cụ, dụng cụ</i>	<i>292,616,539</i>	<i>661,916,262</i>
<i>Chi phí khấu hao tài sản cố định</i>	<i>4,690,313,890</i>	<i>3,499,347,322</i>
<i>Chi phí dịch vụ mua ngoài</i>	<i>9,681,464,749</i>	<i>11,526,033,626</i>
<i>Chi phí khác</i>	<i>-</i>	<i>152,539,579</i>
	60,146,586,733	58,814,971,086

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	2,266,083,654	2,143,976,714
	2,266,083,654	2,143,976,714

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Chi phí lãi vay	10,392,373,145	13,280,611,627
Chi phí lãi trái phiếu phát hành	-	11,282,533,783
Chi phí đầu tư khác	745,338,156	432,589,119
	<u>11,137,711,301</u>	<u>24,995,734,529</u>

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Chi phí nhân viên	8,758,187,719	8,861,398,946
Chi phí công cụ, dụng cụ	1,197,265,227	1,877,959,075
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	23,497,071
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3,177,642,314	1,846,833,886
Chi phí bằng tiền khác	-	5,000,000
	<u>13,133,095,260</u>	<u>12,614,688,978</u>

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Lợi nhuận trước thuế	32,879,514,462	27,629,283,460
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(632,746,417)	(341,373,034)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	2,210,356,402	528,000,000
Thu nhập chịu thuế	34,457,124,447	27,815,910,426
Thuế suất	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6,891,424,889	5,563,182,085
Thuế thu nhập bổ sung các năm trước	5,784,650,518	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>12,676,075,407</u>	<u>5,563,182,085</u>

24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận sau thuế (VND)	20,078,557,425	22,066,101,375
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	-	(661,983,042)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	20,078,557,425	21,404,118,333
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (Cổ phần)	30,000,000	30,000,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	<u>669</u>	<u>713</u>

25. THUYẾT MINH VỀ CÁC TÀI KHOẢN NGOẠI BẢNG**25.1 TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư		
1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	359,434,962,771	122,713,553,814
<i>1.1. Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>	<i>359,434,962,771</i>	<i>122,713,553,814</i>
2. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	1,363,753,287	5,217,794,603
<i>2.1. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>395,906,128</i>	<i>4,459,286,176</i>
<i>2.2. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài</i>	<i>967,847,159</i>	<i>758,508,427</i>
	<u>360,798,716,058</u>	<u>127,931,348,417</u>

PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Loại phải trả		
1. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	360,533,409,890	127,412,786,738
<i>1.1. Của Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>360,533,409,890</i>	<i>127,412,786,738</i>
2. Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán	90,000,000	548,740,000
	<u>360,623,409,890</u>	<u>127,961,526,738</u>

26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Thu nhập của HĐQT và Ban Giám đốc	3,180,171,428	3,895,900,000

27. SỐ LIỆU SO SÁNH

Như trình bày tại Thuyết minh số 3, kể từ ngày 27 tháng 12 năm 2016, Công ty đã áp dụng Thông tư số 334/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán. Theo đó, một số số liệu của năm trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay, cụ thể như sau:

Theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC		Theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC		Chênh lệch	Thay đổi
Tên chỉ tiêu	VND	Tên chỉ tiêu	VND	VND	
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TÀI SẢN	Số đầu năm		Số đầu năm		
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	120,708,245,910	Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	119,059,346,197	(1,648,899,713)	Phân loại lại
Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	(16,674,030,821)	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	(15,025,131,108)	1,648,899,713	Phân loại lại
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	Số năm trước		Số năm trước		
Doanh thu tư vấn	4,259,981,061	Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	4,259,981,061	-	Đổi tên



Nguyễn Thanh Huyền
Kế toán trưởng
Người lập



Mạc Quang Huy
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2018